

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG.....
KHOA.....

BÁO CÁO THỰC TẬP

**ĐỀ TÀI: Báo cáo thực tập kế toán vốn bằng tiền tại
công ty TNHH một thành viên Hợp Quốc**



Lời Cảm Ơn

Để hoàn thành bài chuyên đề thực tập này tôi xin chân thành cảm ơn sự giúp đỡ tận tình của cô giáo Nguyễn Trần Nguyên Trân và các thầy cô trong khoa kinh tế trường Cao Đẳng Công Nghiệp Huế đã dẫn dắt và tạo điều kiện và giúp đỡ tôi trong suốt quá trình thực tập tại công ty TNHH 1 thành viên Hợp Quốc .

Là một sinh viên lần đầu tiên thực tập tại một công ty và chưa có nhiều kinh nghiệm thực tế,qua hai tháng thực tập tại quý công ty đã chỉ cho tôi nhiều bổ ích. Tuy thời gian thực tập không dài nhưng tôi đã được sự giúp đỡ tận tình của các anh chị phòng kế toán cũng như các phòng ban khác đã tạo điều kiện và môi trường giúp tôi rất nhiều trong việc nắm vững, liên hệ thực tế, hệ thống lại những kiến thức đã học ở trường, có thêm nhiều kinh nghiệm thực tiễn trong quá trình để thực hiện tốt chuyên đề tốt nghiệp..

Cuối cùng Với sự biết ơn sâu sắc, tôi xin chân thành cảm ơn các anh chị trong Công ty TNHH 1 thành viên Hợp Quốc, người đã luôn theo sát và hướng dẫn tận tình cho tôi giúp đỡ và tạo điều kiện thuận lợi cho tôi trong quá trình thực hiện đề tài.

Tôi rất mong nhận được sự chỉ bảo, đóng góp ý kiến của các thầy cô cùng toàn thể các bạn để tôi có điều kiện bổ sung, nâng cao ý thức của mình, phục vụ tốt hơn công tác thực tế sau này.

Sinh viên

Lê Thị Xoan

LỜI MỞ ĐẦU

1.1 Lý do chọn đề tài:

Với sự chuyển đổi sang nền kinh tế thị trường, các doanh nghiệp đang gặp sự cạnh tranh gay gắt và ngày càng rõ nét, đòi hỏi các DN phải luôn luôn nhận thức, đánh giá được tiềm năng của DN mình trên thị trường để có thể tồn tại, đứng vững và ngày càng phát triển, để đạt được điều đó thì Kế toán là một bộ phận không thể thiếu trong việc cấu thành DN. Có thể nói Kế toán là một công cụ đắc lực cho nhà quản lý, nó không ngừng phản ánh toàn bộ tài sản, nguồn vốn của DN mà nó còn phản ánh tình hình chi phí, lợi nhuận hay kết quả của từng công trình cho nhà quản lý nắm bắt được. Bên cạnh đó đòi hỏi DN phải có sự chuẩn bị cân nhắc thận trọng trong quá trình sản xuất KD của mình.

Hoạt động KD trong nền kinh tế thị trường đòi hỏi phải có sự quản lý chặt chẽ về vốn về vốn đảm bảo cho việc sử dụng vốn một cách hiệu quả nhất, hạn chế đến mức thấp nhất tình trạng ứ đọng vốn hoặc thiếu vốn trong KD từ đó đảm bảo hiệu quả KD tối ưu nhất. Vì vậy không thể không nói đến vai trò của công tác hạch toán kế toán trong việc quản lý vốn, cũng từ đó vốn bằng tiền đóng vai trò và là cơ sở ban đầu, đồng thời theo suốt quá trình sản xuất KD của các DN.

Xét về tầm quan trọng và tính cấp thiết của “**kế toán vốn bằng tiền**” nên tôi đã chọn đề tài này để nghiên cứu trong quá trình thực tập nghề nghiệp tại Cty TNHH MTV Hợp Quốc.

1.2 Mục đích nghiên cứu:

- Để vận dụng những lý thuyết đã tiếp thu được ở trường vào thực tiễn nhằm củng cố và nâng cao những kiến thức đã học.
- Tìm hiểu công tác kế toán vốn bằng tiền tại công ty TNHH MTV Hợp Quốc.
- Đưa ra những đánh giá nhận xét về thực tế công tác kế toán vốn bằng tiền tại Cty. Bước đầu đề xuất một số biện pháp góp phần hoàn thiện công tác hạch toán kế toán vốn bằng tiền tại Cty nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất.

1.3 Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của đề tài này là “**Công tác kế toán vốn bằng tiền tại công ty TNHH MTV Hợp Quốc**”, các chứng từ, tài liệu liên quan đến tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển của tháng 01 năm 2011 và các thông tin ở bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả KD của năm 2009, 2010 và các thông tin khác liên quan đến Cty TNHH MTV Hợp Quốc.

Về mặt không gian: Tập trung tại phòng kế toán Công ty TNHH MTV HỢP QUỐC.

Về mặt thời gian: Tập trung nghiên cứu tình hình công ty qua 2 năm 2009-2010 và thực trạng công tác kế toán vốn bằng tiền tại Công ty tháng 01/2011.

1.4 Phương pháp nghiên cứu:

Để hoàn thành chuyên đề tốt nghiệp này tôi đã sử dụng các phương pháp:

- Phương pháp phỏng vấn trực tiếp: là phương pháp hỏi trực tiếp những người cung cấp thông tin, dữ liệu cần thiết cho việc nghiên cứu đề tài. Phương pháp này sử dụng trong giai đoạn thu thập những thông tin cần thiết và những số liệu thô có liên quan đến đề tài.
- Phương pháp thống kê: là phương pháp liệt thống kê những thông tin, dữ liệu thu thập được phục vụ cho việc lập các bảng phân tích.
- Phương pháp phân tích KD: là phương pháp dựa trên những số liệu có sẵn có sẵn để phân tích những ưu, nhược điểm trong công tác KD nhằm hiểu rõ hơn các vấn đề nghiên cứu từ đó tìm ra nguyên nhân và giải pháp khắc phục.
- Phương pháp so sánh: là phương pháp dựa vào những số liệu có sẵn để tiến hành so sánh, đối chiếu về số tương đối và tuyệt đối, thường là so sánh giữa hai năm liên kề để tìm ra sự tăng giảm của giá trị nào đó, giúp cho quá trình phân tích KD cũng như các quá trình khác.
- Phương pháp hạch toán kế toán: Là phương pháp sử dụng chứng từ, tài khoản sổ sách để hệ thống hóa và kiểm soát thông tin về các nghiệp vụ kinh tế tài chính phát sinh. Đây là phương pháp trọng tâm được sử dụng chủ yếu trong hạch toán kế toán.

Ngoài ra tôi còn sử dụng một số phương pháp kinh tế khác.

1.5 Kết cấu chuyên đề

Chuyên đề có hai chương :

Chương 1: Khái quát chung về công ty TNHH MTV Hợp Quốc

Chương 2 : Thực tế công tác kế toán vốn bằng tiền tại công ty TNHH MTV Hợp Quốc

Huế, tháng 05 năm 2011

Svth : Lê Thị Xoan

CHƯƠNG 1. TÌNH HÌNH CHUNG TẠI CÔNG TY TNHH MTV HỢP QUỐC.

1.1. Quá trình hình thành và phát triển.

1.1.1. Quá trình hình thành của công ty

DNTN Hợp Quốc được thành lập theo quyết định số 3001000012 ngày 28 tháng 03 năm 2000 của UBND Tỉnh Quảng trị. Qua quá trình hoạt động kinh doanh trong ngành xây dựng doanh nghiệp ngày càng trưởng thành lên với đội ngũ công nhân lành nghề và cán bộ các bộ phận giàu kinh nghiệm và chuyển đổi thành Công ty TNHH MTV Hợp Quốc.

Công ty TNHH MTV Hợp Quốc. hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 3002000096 do Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Quảng trị cấp ngày 17 tháng 12 năm 2002, có trụ sở tại khu phố 10 phường 5 TP Đông Hà - Quảng trị. Là một đơn vị Xây dựng cơ bản, Công ty hoạt động với ngành nghề kinh doanh là: Xây dựng dân dụng, xây dựng cầu đường và sản xuất các sản phẩm từ gỗ.

Trải qua nhiều năm hoạt động, Công ty đã có nhiều chuyển biến tích cực về tình hình tài chính cũng như kinh nghiệm trong hoạt động kinh doanh. Công ty đã thi công nhiều công trình lớn nhỏ khác nhau trong và ngoài tỉnh, không ngừng gia tăng chất lượng công trình mà vẫn đảm bảo được tiến độ thi công. Công ty đã thi công các công trình như: UBDS tỉnh Quảng trị, Trung tâm vui chơi giải trí Huyện Cam lộ, Trường THCS Trung Giang - Gio linh...

Doanh nghiệp luôn hoàn thành kế hoạch thanh toán với Ngân sách nhà nước, đời sống cán bộ công nhân viên ngày càng được củng cố nâng cao rõ rệt.

Tên công ty : Công ty TNHH Một Thành Viên Hợp Quốc

Số điện thoại : 053.3854731

Fax: 053.3854731

Mã số thuế : 0161000578843

1.1.2. Quá trình phát triển của công ty

Thời gian đầu thành lập, công ty TNHH MTV Hợp Quốc có quy mô hoạt động nhỏ, lực lượng cán bộ và đội ngũ công nhân ít, cơ sở vật chất và trang thiết bị còn thiếu thốn. Qua hơn hai năm hoạt động đến nay công ty TNHH MTV Hợp Quốc là một đơn vị mạnh trong ngành xây dựng, công ty có một đội ngũ lao động năng động,

sáng tạo với số lượng cán bộ công nhân viên là 96 người, số công nhân hợp đồng với đơn vị lên đến 100 người, đội ngũ công nhân kỹ thuật có kinh nghiệm và tay nghề cao. Cơ sở vật chất và trang thiết bị của đơn vị so với thời gian trước nhiều và mạnh hơn.

Hiện nay công ty TNHH MTV Hợp Quốc đang tăng cường mở rộng thị trường về xây dựng và sản xuất gỗ làm tăng cường doanh thu và hiệu quả kinh tế, góp phần giải quyết việc làm cho người lao động.

Công ty sau một thời gian hoạt động chưa lâu nhưng đã tạo ra được niềm tin, sự tín nhiệm của đối tác. Ngoài ra, công ty còn tham gia xây dựng các công trình giao thông phục vụ cho việc đi lại của người dân trên địa bàn tỉnh Quảng Trị và một số địa phương khác.

Công ty TNHH MTV Hợp Quốc ra đời trong cơ chế thị trường với sự cạnh tranh gay gắt của các công ty cùng ngành nên công ty cũng có nhiều thuận lợi và khó khăn:

❖ **Thuận lợi**

- Là đơn vị xây dựng đóng trên địa bàn thành phố Đông Hà, là thành phố mới phát triển nên có nhiều dự án và khu công nghiệp đang được quan tâm và đầu tư nên có nhiều cơ hội để công ty tham gia đấu thầu, tìm kiếm việc làm.
- Công ty có đội ngũ công nhân tay nghề cao. Đó là yếu tố thuận lợi trong việc xây dựng đơn vị vững mạnh trong cơ chế thị trường.
- Thị trường xây dựng đặc biệt xây dựng dân dụng tương đối thuận lợi do ngành xây dựng có mức tăng trưởng cao, có nhiều dự án đầu tư lớn trong những năm vừa qua và trong thời gian tới.
- Thị trường gỗ tăng trưởng khá nhanh và sôi động là điều kiện để công ty ngày càng phát triển.

❖ **Khó khăn**

- Công ty mới mở rộng thị trường hoạt động nên cơ sở vật chất và trang thiết bị phục vụ công tác xây dựng còn hạn chế.
- Lực lượng cán bộ kỹ thuật còn thiếu so với nhu cầu từ các công trình trong hoạt động xây dựng của công ty.

1.2. Chức năng và nhiệm vụ của công ty

1.2.1. Chức năng của công ty

Công ty TNHH MTV Hợp Quốc có các chức năng sau:

- Công ty hoạt động theo định hướng phát triển của nhu cầu con người, đô thị hóa, công nghiệp hóa, hiện đại hóa.
- Công ty nhận thi công xây dựng các công trình giao thông, thủy lợi, san mặt bằng, xây dựng cơ sở hạ tầng, khu dân cư trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.
- Sản xuất kinh doanh các sản phẩm từ gỗ như ván ép, đồ nội thất từ gỗ ...
- Lãnh đạo công ty luôn nghiên cứu những phương thức mới nhằm nâng cao quá trình thi công, đảm bảo chất lượng cho các công trình

1.2.2 Nhiệm vụ của công ty

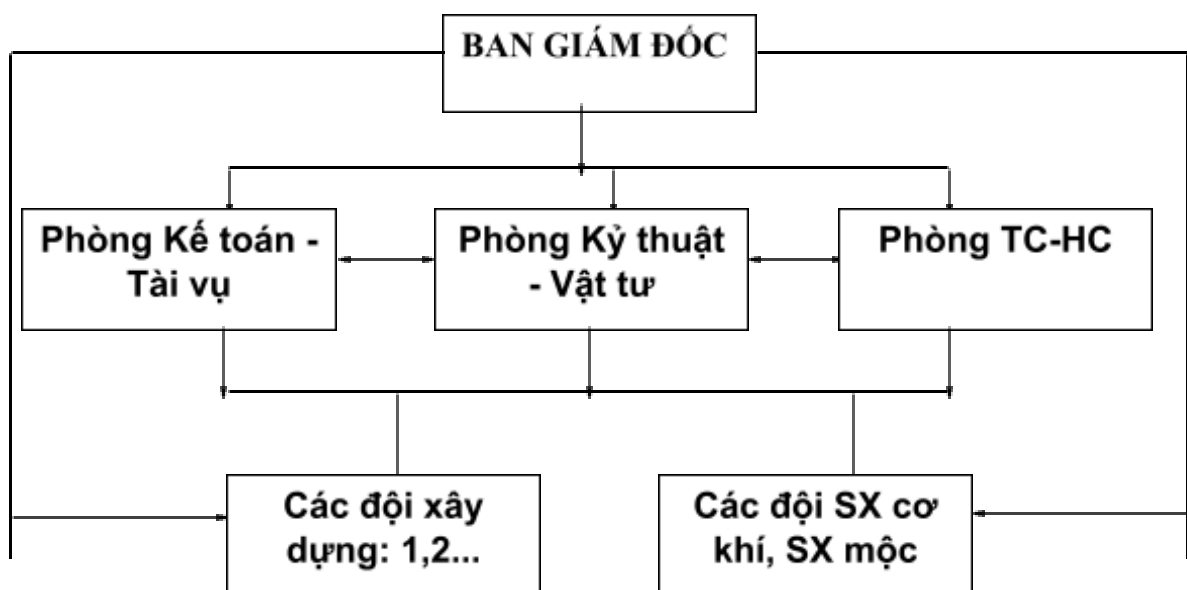
- Tổ chức điều hành kế toán sản xuất kinh doanh của đơn vị thực thi tiến độ phân kỳ của kế hoạch. Đồng thời, có nghĩa vụ thực hiện đầy đủ các báo cáo tài chính thống kê theo quy định của pháp luật.

- Về công tác quản lý kỹ thuật và chất lượng công trình cũng được thực hiện theo đúng quy định của công ty.

- Khai thác, sử dụng vốn có hiệu quả đầu tư hoạt động kinh doanh.
- Mở rộng quan hệ đối tác trong nước và ngoài nước
- Thực hiện các nghĩa vụ nộp các khoản nguồn thu cho ngân sách nhà nước, không ngừng phát triển công ty ngày càng lớn mạnh.

1.3 . Bộ máy quản lý của công ty

- Công tác tổ chức quản lý của công ty được thể hiện qua sơ đồ sau:



Sơ đồ 1: Tổ chức công tác quản lý hành chính của công ty

Ghi chú: : *Quan hệ trực tuyến* \longrightarrow
Quan hệ chức năng \longleftrightarrow

* Chức năng, nhiệm vụ của từng bộ phận.

- **Giám đốc:** là người đại diện pháp nhân của Công ty, có trách nhiệm pháp lí cao nhất của Công ty, chịu trách nhiệm lãnh đạo và điều hành sản xuất kinh doanh, đồng thời chịu trách nhiệm trước pháp luật và Công ty trong việc điều hành, quản lí của Công ty.

- **Phó Giám đốc:** Giúp việc cho giám đốc, được Giám đốc uỷ quyền khi giám đốc đi vắng, thay mặt giám đốc theo dõi trực tiếp các đơn vị sản xuất của Công ty.

- **Phòng Kế toán - tài vụ:** Ghi chép phản ánh đầy đủ và chính xác các nghiệp vụ kinh tế phát sinh hằng ngày. Theo dõi toàn bộ tài sản hiện có của doanh nghiệp đồng thời cung cấp đầy đủ thông tin về hoạt động kinh tế tài chính của công ty.

Phản ánh tất cả các chi phí sản xuất phát sinh trong kỳ và kết quả thu được từ hoạt động sản xuất kinh doanh. Tìm ra những biện pháp tối ưu nhằm đưa doanh nghiệp phát triển lành mạnh, đúng hướng đạt hiệu quả cao với chi phí thấp nhất nhưng thu được kết quả cao nhất. Tăng tích lũy tái đầu tư cho doanh nghiệp, thực hiện nghĩa vụ đối với ngân sách nhà nước.

Tổ chức chi đạo thực hiện toàn bộ công tác kế toán, tin học, hạch toán các nghiệp vụ kinh tế theo pháp lệnh kế toán.

- **Phòng Kỹ thuật - vật tư:** Tiếp nhận quản lí hồ sơ, tài liệu, dự toán, băng vẽ thiết kế công trình.

Phân công cán bộ giám sát, theo dõi tình hình thực hiện công trình. Khi công trình hoàn thành, cán bộ kỹ thuật xác định khối lượng thực hiện và chuyển cho phòng kế toán đối chiếu, kiểm tra và quyết toán đầu tư. Theo dõi tình hình xuất, nhập vật tư. Cung cấp vật tư theo kế hoạch và tiến độ thi công. Báo cáo vật tư theo quy định.

- **Phòng tổ chức - hành chính:** Đảm nhận công tác tổ chức quản lí hành chính của Công ty, như sắp xếp tổ chức sản xuất, bố trí nhân sự, tổ chức hoạt động khoa học, quy chế trả lương, chế độ BHXH, công tác an toàn lao động...

- **Các đội xây dựng.** Có nhiệm vụ thi công xây lắp các công trình do Công ty giao

- **Các đội sản xuất cơ khí, sản xuất mộc** có nhiệm vụ phục vụ sản xuất, thi hành các yêu cầu từ phía kỹ thuật, sản xuất các mặt hàng từ gỗ (bàn, tủ, cửa...)

1.4. Tổ chức bộ máy kế toán

Căn cứ vào quy mô và đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty tổ chức bộ máy kế toán theo mô hình kế toán *Tập trung*.

Cty dùng phương pháp nhập trước, xuất trước để tính giá nguyên vật liệu.

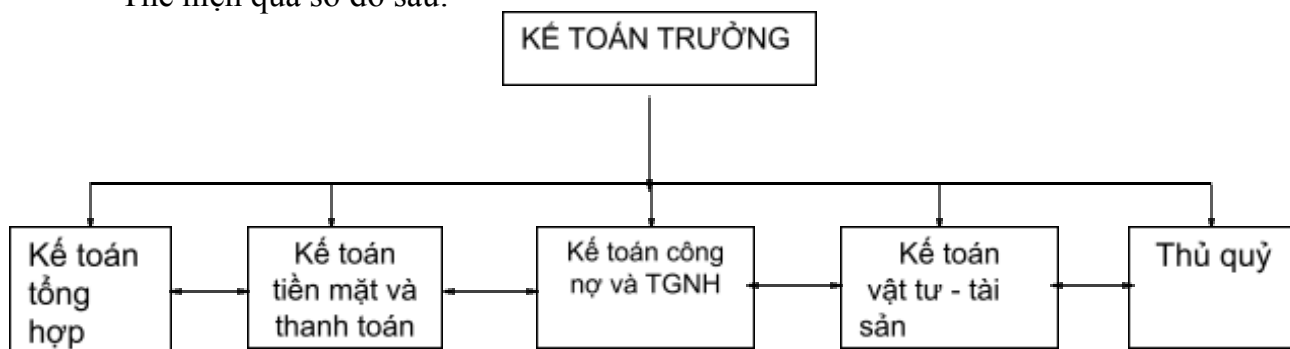
Khấu hao tài sản cố định theo đường thẳng.

Kê khai thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.

Loại tiền sử dụng là Việt Nam đồng, ngoại tệ....

Thời điểm mở sổ kế toán từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12.

Thể hiện qua sơ đồ sau:



Sơ đồ 3: Tổ chức bộ máy kế toán của công ty

Ghi chú: Quan hệ trực tuyến —————>

Quan hệ chức năng <----->

* Chức năng và nhiệm vụ cụ thể của từng bộ phận.

- **Kế toán trưởng**: Là người trực tiếp tổ chức, quản lý và điều hành bộ máy kế toán. Có nhiệm vụ tham mưu các hoạt động tài chính cho giám đốc, trực tiếp lãnh đạo các nhân viên kế toán trong công ty, kiểm tra công tác thu nhập và xử lý chứng từ kiểm soát và phân tích tình hình vốn của đơn vị..Cuối tháng, kế toán trưởng có nhiệm vụ kiểm tra báo cáo quyết toán do kế toán tổng hợp lập nên để báo cáo cho lãnh đạo.

- **Kế toán tổng hợp** : có nhiệm vụ hướng dẫn kiểm tra số liệu của các kế toán viên rồi tổng hợp số liệu báo cáo quyết toán theo quý. Tập hợp chi phí xác định doanh thu, hạch toán lãi lỗ và đánh giá hiệu quả kinh doanh của công ty. Kế toán tổng hợp còn theo dõi tình hình thanh toán với ngân sách Nhà nước

- **Kế toán tiền mặt và thanh toán**: Ghi chép, phản ánh kịp thời chính xác đầy đủ các khoản thu chi tiền mặt, thanh toán nội bộ và các khoản thanh toán khác, đơn đốc việc thực hiện tạm ứng.

- **Kế toán công nợ và tiền gửi ngân hàng** : Theo dõi tình hình biến động của

tiền gửi và tiền vay ngân hàng, theo dõi công nợ của các cá nhân và tổ chức.

- **Kế toán Vật tư - tài sản:** Theo dõi tình hình cung ứng, xuất - nhập vật tư, kiểm tra giám sát về số lượng hiện trạng tài sản cố định hiện có, tình hình tăng giảm, tính và phân bổ khấu hao cho các đối tượng sử dụng.

- **Thủ quỹ:** Có trách nhiệm theo dõi tình hình Thu - chi và quản lý tiền mặt của Công ty.

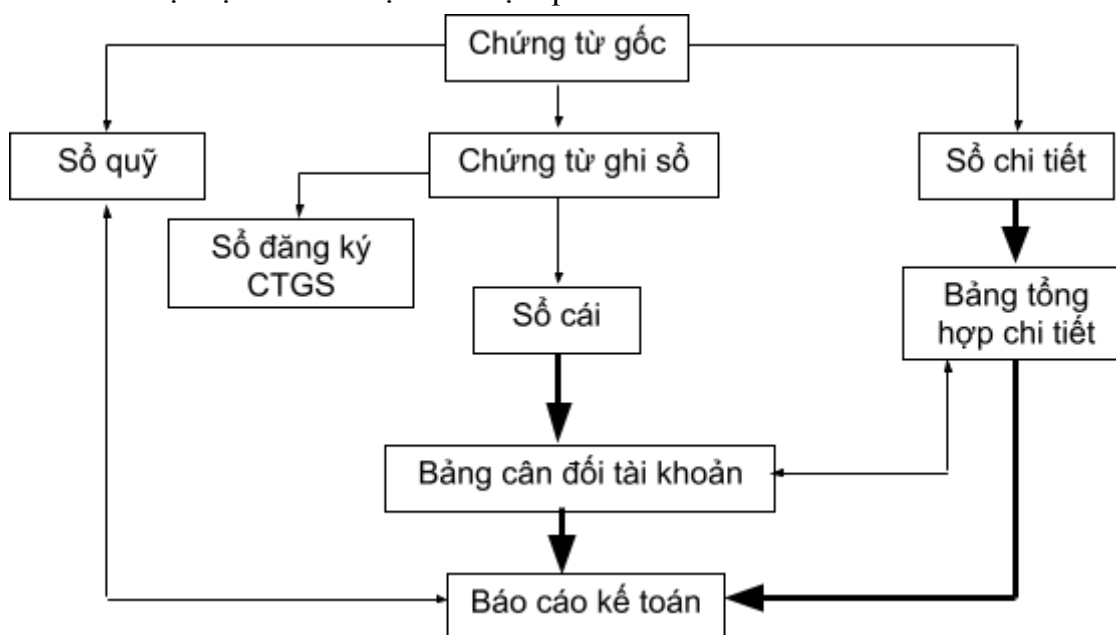
❖ Hình thức sổ kế toán

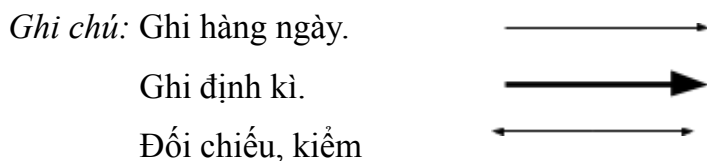
Hiện tại Công ty đang sử dụng một bộ sổ kế toán và áp dụng hình thức kế toán *Chứng từ ghi sổ*.

Trình tự ghi sổ như sau:

- Căn cứ vào chứng từ gốc và các chứng từ liên quan, định kỳ kế toán lập chứng từ ghi sổ, trình kế toán trưởng duyệt rồi vào sổ đăng ký chứng từ ghi sổ, sau đó vào sổ cái.
- Định kỳ, kế toán cộng sổ sau đó lập bảng cân đối phát sinh, đối chiếu, kiểm tra và cuối năm lập báo cáo quyết toán.
- Hệ thống tài khoản của công ty áp dụng là hệ thống tài khoản kế toán thống nhất áp dụng cho các doanh nghiệp (ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ – BTC ngày 20/3/2006 của Bộ Tài chính)

Trình tự hạch toán được thể hiện qua sơ đồ sau:



Sơ đồ 4: Sơ đồ trình tự ghi sổ của công ty**1.5. Tình hình lao động của công ty qua 2 năm 2009-2010**

Qua bảng số liệu dưới ta thấy tình hình lao động chung của công ty TNHH MTV Hợp Quốc tăng qua 2 năm. Cụ thể là năm 2010 so với năm 2009 tăng 7 lao động tương ứng với 7,87%, sự gia tăng này hoàn toàn hợp lý vì quy mô của đơn vị ngày càng được mở rộng.

+ *Xét theo giới tính*: Vì công việc lao động nặng nhọc, đòi hỏi người lao động cần có sức khỏe bền bỉ chịu được điều kiện khắc nghiệt nên số lao động nam luôn chiếm tỷ trọng lớn phù hợp với ngành nghề kinh doanh của công ty. Năm 2009 lao động Nam là 79 người chiếm 88,76%, sang năm 2010 tăng 6 người chiếm 7,59%, trong khi đó Nữ chỉ có 10 người chiếm 11,24% sang năm 2010 số lao động Nữ tăng lên một người vì công việc xây dựng nặng nhọc nên việc tăng nhân sự Nam là hợp lý.

+ *Xét theo tính chất công việc*: Công ty hoạt động chủ yếu trong các lĩnh vực xây dựng các công trình, sản xuất gỗ nên lao động tham gia trực tiếp vào công việc chiếm tỷ trọng lớn. Năm 2009 số người trực tiếp tham gia vào công việc là 75 người chiếm 84,27% sang năm 2010 là 81 người chiếm 84,36%, trong khi đó số lao động gián tiếp chỉ có 14 người chiếm 15,73% năm 2009 và sang năm 2010 là 15 người chiếm 7,14%.

+ *Xét theo trình độ*: Số lao động có trình độ Đại học, Trung cấp thấp so với lao động phổ thông và công nhân. Ta thấy công nhân chiếm tỷ lệ cao nhất chiếm 48,31% năm 2009 trong khi đó tỷ lệ Đại học, Trung cấp chỉ chiếm 7,86%. Đến năm 2010 cơ cấu lao động tăng lên trình độ Đại Học, Trung cấp tăng lên 1 người chiếm 25%, so với năm 2009 lao động phổ thông và công nhân tăng 6 người chiếm 14,67%. Điều này chứng tỏ công ty ngày càng có nhiều công trình, nhiều dự án nên cần nhiều lao động phổ thông và công nhân. Mặt khác ta thấy trình độ lao động cũng phù hợp với ngành nghề nên lao động phổ thông chiếm tỷ trọng lớn.

Bảng 1: Tình hình lao động của công ty qua 2 năm 2009-2010

ĐVT: Người

Chỉ tiêu	2009		2010		So sánh 2010/2009	
	SL	%	SL	%	+/-	%
Tổng số lao động	89	100	96	100	7	7,87
1. Theo giới tính						
Nam	79	88,76	85	88,54	6	7,59
Nữ	10	11,24	11	11,46	1	10
2. Theo tính chất công việc						
Trực tiếp	75	84,27	81	84,36	6	8
Gián tiếp	14	15,73	15	15,63	1	7,14
3. Theo trình độ văn hóa						
Đại học	03	3,37	03	3,13	0	0
Trung cấp	04	4,49	05	5,21	1	25
Lao động phổ thông	39	43,82	42	43,75	03	7,69
Công nhân	43	48,31	46	47,92	03	6,98
Thu nhập bình quân của LĐ						
	710.000đ/lđ/tháng		845.000đ/lđ/tháng		135.000đ/lđ/tháng	19,01

Nguồn: (Phòng kỹ thuật giám sát thi công)

1.6. Tình hình vốn và tài tài sản.

Bảng 2: Tình hình vốn và tài sản của Công ty

Chỉ tiêu	2009	2010	So sánh 2010/2009	
			+/-	%
Tổng tài sản	6.518.256.157	9.596.385.496	3.078.129.339	47,22
A. Tài sản ngắn hạn	4.945.862.252	7.842.681.357	3.605.552.815	72,90
1. Tiền và các khoản tương đương	1.287.527.634	3.681.297.341	2.393.769.707	185,92
2. Phải thu khách hàng	2.534.821.473	3.049.778.370	514.956.897	20,32
3. Hàng tồn kho	527.351.284	824.336.279	296.984.995	56,32
4. Tài sản ngắn hạn khác	596.161.861	287.269.367	-308.892.494	-51,82
B Tài sản dài hạn	1.572.393.905	1.753.704.139	181.310.234	11,53
1. TSCĐ	1.314.827.391	1.497.254.391	182.427.000	13,87
2. Tài sản dài hạn khác	257.566.514	256.449.748	-1.106.766	-0,43
Tổng nguồn vốn	6.518.256.157	9.596.385.496	3.078.129.339	47,22
I. Nợ phải trả	2.557.286.159	3.817.356.243	1.260.070.084	49,27
1. Nợ ngắn hạn	1.825.149.853	3.170.527.300	1.345.377.447	73,71
2. Nợ dài hạn	732.136.306	646.828.943	-85.307.363	-11,65
II. Nguồn vốn chủ sở hữu	3.960.969.998	5.879.029.253	1.918.059.255	48,42
1. Nguồn vốn kinh doanh	3.792.000.000	5.652.000.000	1.860.000.000	49,05
2. Các quỹ thuộc VCSH	72.130.248	89.785.546	17.655.298	24,48
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	96.839.750	137.243.707	40.403.957	41,72

Nhận xét:

+ *Xét theo tình hình tài sản:* Từ bảng số liệu trên ta thấy quy mô tài sản của công ty năm 2010 so với năm 2009 tăng 3.078.129.339 đ chiếm 47,22%. Trong đó, tài sản ngắn hạn tăng đáng kể từ 4.945.862.252 đ năm 2009 lên đến 7.842.681.357 đ năm 2010 chiếm 72,90%. Tài sản ngắn hạn tăng chủ yếu là do tiền và các khoản tương đương tiền tăng mạnh từ 1.287.527.634 đ năm 2009 lên đến 3.681.297.341 đ năm 2010 chiếm 185,92%. Điều này chứng tỏ năm 2010 công ty đã dự trữ lượng tiền lớn, và việc dự trữ lượng tiền này tạo điều kiện thuận lợi cho việc thu mua nguyên vật liệu phục vụ công trình đang thi công dở hay chuẩn bị cho năm 2011 vì công ty hoạt động chủ yếu trong ngành xây dựng.

Ta thấy, năm 2010 các khoản phải thu khách hàng tăng 514.956.897đ chiếm 20,32% điều này cho thấy công ty vẫn chưa chú trọng vào việc thu hồi các khoản nợ từ khách hàng.

Hàng tồn kho của công ty tăng từ 527.351.284 đ năm 2009 lên đến 824.336.279đ năm 2010 chiếm 56,32%, do năm 2010 nhiều công trình được đấu thầu thành công và đang thi công dở dự kiến đến năm 2011 sẽ hoàn thành, nên đòi hỏi phải dự trữ số lượng nguyên vật liệu trong kho để xây dựng công trình cũng như sản xuất các mặt hàng từ gỗ.

Tài sản dài hạn năm 2009 từ 1.572.393.905đ tăng lên 1.753.704.139đ chiếm 11,53%. Tài sản dài hạn có tăng nhưng chỉ tăng ở mức thấp chủ yếu là tài sản cố định tăng 182.427.600đ chiếm 13,87%, tuy nhiên tài sản cố định tăng không đáng kể vì vào thời điểm này công ty đã đảm bảo được cơ sở vật chất, thiết bị máy móc phục vụ cho công tác thi công xây dựng công trình đầy đủ đảm bảo chất lượng tốt nên việc tăng tài sản cố định cũng chỉ là thay thế các thiết bị cũ hay hết hạn sử dụng với giá trị nhỏ. Bên cạnh đó thì tài sản dài hạn khác giảm 1.106.766đ chiếm -0,43% lượng này giảm không đáng kể.

+ *Xét theo nguồn hình thành*

Từ những số liệu trên cho ta thấy cơ cấu nguồn vốn năm 2010 tăng chủ yếu là do nợ phải trả và nguồn vốn kinh doanh tăng. Nợ phải trả tăng mạnh từ 2.557.286.159đ năm 2009 lên đến 3.817.356.243đ chiếm 49,27%, trong đó nợ

ngắn hạn tăng 1.345.377.447đ chiếm 73,71%, do công ty đã vay ngắn hạn để trả nợ vay dài hạn đến hạn trả làm cho nợ dài hạn giảm 85.307363đ chiếm -11,65%. Đồng thời sử dụng nợ ngắn hạn đầu tư vào mua nguyên vật liệu. Bên cạnh đó nguồn vốn kinh doanh cũng tăng lên đáng kể từ 3.792.000.000đ lên đến 5.652.000.000đ chiếm 49,05%, do công ty hoàn thành một số công trình với gói thầu thấp và việc bán các mặt hàng mỹ nghệ năm qua tăng mạnh. Điều này chứng tỏ công ty có mức độ độc lập về tài chính trong kinh doanh, tạo được sự uy tín trên thị trường.

Qua sự gia tăng của nguồn vốn ta thấy công ty có sự chuyển biến tích cực trong huy động vốn, tuy nhiên số vốn vay vẫn không giảm đòi hỏi Công ty phải có sự tính toán hợp lý để giảm thiểu sự ảnh hưởng này đến kết quả kinh doanh. Vì vậy, để duy trì hiệu quả như năm 2010 thì công ty phải đầu tư và phát huy hơn nữa hiệu quả đó trong tương lai. Nhìn chung, tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty năm 2010 phát triển hơn so với năm 2009. Do vậy, công ty cần phát huy và duy trì hiệu quả này.

1.7. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh qua 2 năm 2009-2010

Qua bảng báo cáo kết quả kinh doanh ta thấy doanh thu của công ty năm 2009 đạt 7 tỷ đồng, năm 2010 đạt hơn 15 tỷ đồng tăng gấp đôi, tăng 112,63% so với năm 2009 tương ứng với 8 tỷ đồng. Có thể nói doanh thu của công ty có sự tăng trưởng tương đối nhanh. Điều đó chứng tỏ công ty không ngừng nỗ lực đàm phán tìm kiếm mở rộng các mối quan hệ kinh tế nhằm tăng doanh thu đồng thời cũng thể hiện chất lượng sản phẩm của doanh nghiệp ngày càng được nâng cao, tạo dựng được uy tín trên thị trường.

Năm 2009 doanh thu của công ty là 7.320.525.338 đ. Đây là năm công ty chú trọng vào sản xuất các mặt hàng mỹ nghệ cao cấp đáp ứng nhu cầu thị hiếu của khách hàng, đây cũng là năm công ty chú trọng đầu tư vào việc tìm kiếm các gói thầu có lợi cho công ty, tìm hiểu thị trường về gỗ, tung ra các sản phẩm với mẫu mã đẹp, chất lượng, sang trọng, phù hợp với thị hiếu thẩm mỹ của khách hàng. Năm 2010 doanh thu của công ty là 15.565.357.415 đ tăng khoản 8 tỷ đồng tương ứng với 112.63%. Đây là năm doanh thu tăng vượt bậc tăng gấp đôi, vì

vừa qua trên địa bàn Quảng Trị đẩy mạnh việc tu bổ các con đường và xây dựng mới cơ sở hạ tầng để lên TP Quảng Hà trực thuộc Tỉnh Quảng Trị công ty đã tham gia đấu thầu và đây là năm bội thu của công ty.

Bên cạnh đó, thì giá vốn cũng tăng mạnh tăng 7.279.870.414 đ tương ứng với 116,10% vì giá vốn nguyên vật liệu để đầu tư vào các công trình còn đang dở dang và biến động giá cả nguyên vật liệu trên thị trường ảnh hưởng làm cho giá vốn tăng lên.

Mặt khác, ta thấy tổng chi phí kinh doanh của công ty tăng tương đối nhanh năm 2009 chỉ là 730 triệu đồng nhưng sang năm 2010 đã là 1,3 tỷ đồng. Trong đó thì chi phí bán hàng là tăng mạnh nhất tăng 289.946.674 đ tương ứng với 107,31%, để lý giải vì sao chi phí bán hàng tăng phải nhìn vào thực tế là công ty để không ngừng cải thiện nâng cao doanh thu, do đó lượng hàng bán ra ngày càng nhiều nên chi phí bán hàng tăng. Bên cạnh đó thì chi phí quản lý kinh doanh cũng tăng gần gấp đôi tăng 265.715.595 đ tương ứng với 78,11%, điều này chứng tỏ doanh nghiệp chưa chú trọng trong việc quản lý vì vậy cần có biện pháp để làm giảm chi phí quản lý kinh doanh. Chi phí tài chính tăng 40.311.240 đ tương ứng 33,51% điều này chứng tỏ công ty đã đi vay để bổ sung vào nguồn vốn.

Năm 2009 tổng lợi nhuận trước thuế đạt 325.070.520 đ, năm 2010 con số này đã tăng lên đến 699.059.087 đ chiếm 115,05%. Trong các nhân tố ảnh hưởng tới lợi nhuận thuần thì doanh thu thuần là nhân tố ảnh hưởng tích cực nhất tới lợi nhuận thuần. Mức tăng 112,63% của doanh thu thuần năm 2010 so với năm 2009 là nhờ vào việc công ty cải tiến mẫu mã sản phẩm, uy tín trong các công trình... ảnh hưởng lớn nhất tới việc gia tăng lợi nhuận thuần. Bên cạnh đó, việc chi phí tăng nhanh lại là nhân tố ảnh hưởng tiêu cực tới lợi nhuận thuần do đó công ty cần phải có biện pháp để giảm chi phí.

Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp được thể hiện qua bảng sau.

Bảng 3: Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty qua 2 năm 2009-2010

ĐVT: đồng

Chỉ tiêu	2009	2010	So sánh 2010/2009	
			Chênh lệch	%
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	7.320.525.338	15.565.357.415	8.244.832.072	112,63
2. Các khoản giảm trừ doanh thu				
3. Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	7.320.525.338	15.565.357.415	8.244.832.072	112,63
4. Giá vốn	6.270.230.636	13.550.101.054	7.279.870.414	116,10
5. Lợi nhuận gộp	1.050.294.702	2.015.256.360	964.961.658	91,88
6. Doanh thu hoạt động tài chính	5.415.096	10.415.514	5.000.418	207,05
7. Chi phí hoạt động tài chính	120.276.050	160.587.290	40.311.240	33,51
8. Chi phí bán hàng	270.192.573	560.139.247	289.946.674	107,31
9. Chi phí quản lý kinh doanh	340.170.655	605.886.250	265.715.595	78,11
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh	325.070.520	699.059.087	373.988.567	115,05
11. Lợi nhuận trước thuế	325.070.520	699.059.087	373.988.567	115,05
12. Thuế TNDN	81.267.630	174.764.772	93.497.142	115,05
13. Lợi nhuận sau thuế	81.267.630	174.764.772	93.497.142	115,05

(Nguồn: phòng kế toán)

CHƯƠNG 2. THỰC TRẠNG KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TẠI CÔNG TY

2.1. Những vấn đề chung về vốn bằng tiền tại công ty

2.1.1. Khái niệm vốn bằng tiền

Vốn bằng tiền của công ty bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng (hiện tại công ty chỉ quan hệ với các ngân hàng công thương Quản Trị), các công ty tài chính, tiền mặt tại ngân hàng bao gồm tiền Việt Nam và ngân phiếu do ngân hàng nhà nước Việt Nam, hiện nay tiền mặt tại quỹ chỉ có tiền Việt Nam không có ngoại tệ.

2.1.2. Ý nghĩa vốn bằng tiền

Vốn bằng tiền đóng vai trò quan trọng đối với công ty, nó là mạch máu lưu thông của các doanh nghiệp mới duy trì, có nó doanh nghiệp mới duy trì được hoạt động của công ty đồng thời thực hiện quy trình tái sản xuất mở rộng đặc biệt với các đặc thù của công ty thì cần một lượng lớn vốn.

2.1.3. Nhiệm vụ kế toán vốn bằng tiền

Hạch toán vốn bằng tiền trong công ty có nhiệm vụ phản ánh kịp thời, đầy đủ, chính xác số liệu có và tình hình biến động tăng giảm của tiền mặt tại quỹ, tại ngân hàng, theo dõi từng khoản thu, chi hàng ngày của công ty, kiểm tra sổ sách đối chiếu lượng tiền tại quỹ với sổ sách kế toán cũng như giữa công ty với ngân hàng liên quan từ đó có những biện pháp điều chỉnh, xử lý kịp thời.

2.2. Thực trạng vốn bằng tiền tại công ty

2.2.1 Kế toán tiền mặt tại quỹ

2.2.1.1 Chứng từ sử dụng

Đối với tiền mặt là phiếu thu, phiếu chi

2.2.1.2 Tài khoản sử dụng

Để hạch toán tài khoản tiền mặt kế toán sử dụng tài khoản 111 “tiền mặt”

Công dụng: phản ánh tình hình thu, chi, tồn quỹ tiền mặt bao gồm tiền Việt Nam (kể cả ngân phiếu, ngoại tệ, vàng bạc tại quỹ của công ty và đồng thời nhằm theo dõi sự biến động của tiền gửi ngân hàng tại công ty.

2.2.1.3 Sổ sách kế toán sử dụng tại công ty

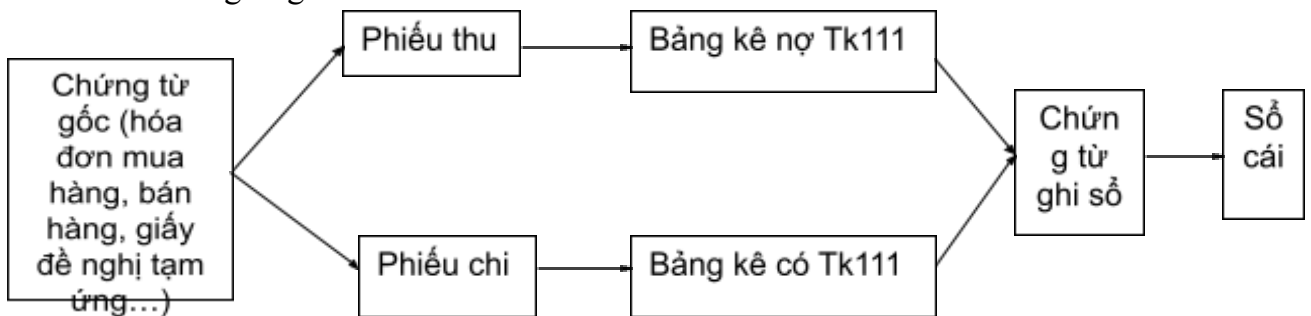
- Sổ quỹ tiền mặt

- Bảng kê chứng từ ghi Nợ-Có Tk111
- Chứng từ ghi sổ
- Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ
- Sổ cái

2.2.1.4 Trình tự luân chuyển chứng từ

* Sơ đồ luân chuyển của chứng từ:

Hình thức chứng từ ghi sổ:



2.2.1.5 Các nghiệp vụ kinh tế thực tế phát sinh tại công ty TNHH MTV Hợp Quốc trong tháng 01/2011

❖ Các nghiệp vụ làm tăng tiền mặt tại quỹ:

- **Nghiệp vụ 1:**

Phiếu thu số PT01 ngày 05/01/2011: thu tiền bán bàn ghế gỗ của khách hàng Ánh Mây theo hóa đơn GTGT số 0000541 ngày 05/01/2011 với số tiền là 8.800.000 đồng (đã bao gồm thuế GTGT 10%)

+ Chứng từ gốc liên quan: hóa đơn GTGT số 0000541, phiếu thu số 01, phiếu xuất 01.

**HÓA ĐƠN
GIÁ TRỊ GIA TĂNG**

Liên 1

Mẫu số: 01GTKT3/001

21

Svth: Lê Thị Xoan

Trang:

Ngày 05 tháng 01 năm 2011

Ký hiệu:

32AA/10P

Số: 0000541

Đơn vị bán hàng: **Công ty TNHH MTV Hợp Quốc**

Địa chỉ: 171 Hàm Nghi – Đông Hà – Quảng Trị

Số tài khoản: 016100578843

Điện thoại: 0533854731

MS:3200276064

Họ và tên người mua: **khách hàng Ánh Mây**

Tên đơn vị:

Địa chỉ: 45 – Nguyễn Đình Chiểu- Phường 3 – TP Đông Hà

Số tài khoản:

Hình thức thanh toán: Tiền mặt

MS:

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Bàn	Cái	1	3.000.000	3.000.000
2	Ghế	cái	1	5.000.000	5.000.000
Cộng thành tiền					8.000.000
Thuế suất thuế GTGT: 10% Tiền thuế GTGT					800.000
Tổng cộng tiền thanh toán					8.800.000
Bằng chữ: tám triệu tám trăm nghìn đồng.					

Người mua hàng
(ký, ghi họ tên)

Người bán hàng
(ký, ghi họ tên)

Ngày 05 tháng 01 năm 2011
Thủ trưởng đơn vị
(Đóng dấu, ký ghi họ tên)

ĐƠN VỊ : CÔNG TY TNHH MTV HỢP QUỐC				Mẫu số: 02 –VT			
ĐỊA CHỈ: Đông Hà – Quảng Trị				QĐ số : 15/2006/QĐ – BTC			
				Ngày 20 tháng 03 năm 2006			
				của Bộ trưởng BTC			
				Số : 01			
PHIẾU XUẤT KHO							
Ngày 05 tháng 01 năm 2011							
Nợ : TK 632							
Có : TK155							
Họ tên người nhận hàng: Trần Thị Mai							
Địa chỉ (bộ phận) : công ty TNHH MTV Hợp Quốc							
Lý do xuất hàng: xuất hàng bán							
Xuất tại kho: Công ty							
stt	Tên nhãn hiệu, quy cách phẩm chất vật tư, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa.	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Ghế	GH	Cái	01	01	4.000.000	4.000.000
2	Bàn	BA	Cái	01	01	2.500.000	2.500.000
	Cộng						6.500.000
Cộng thành tiền (bằng chữ): sáu triệu năm nghìn đồng chẵn.							

Ngày 05 tháng 01 năm

2011

Thủ trưởng đơn vị
(ký tên)

kế toán trưởng
(ký tên)

người nhận hàng
(ký tên)

thủ kho
(ký tên)

Đơn vị: Công ty TNHH MTV Hợp Quốc
Địa chỉ: 171- Hàm Nghi – Đông Hà – Quảng Trị

Mẫu số: C30-BB
Ban hành theo QĐ
Số 19/2006/QĐ-BTC-ngày

30/03/2006

Của bộ trưởng bộ tài chính

Phiếu thu Số:01

Ngày 05/01/2011

Nợ.....111.....

Có131.....

Họ tên người nộp tiền: khách hàng Ánh Mây

Địa chỉ: 45 – Nguyễn Đình Chiểu- Phường 3 – TP Đông Hà

Lý do nộp: Trả tiền hàng.

Số tiền: **8.800.000 đ.**

Bằng chữ: Tám triệu tám trăm nghìn đồng chẵn.

Kèm theo Chứng từ kế toán

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): Tám triệu tám trăm nghìn đồng chẵn..

Ngày 05 tháng 01 năm

2011

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, đóng dấu)

Kế toán trưởng
(Ký)

Người nộp tiền
(Ký)

Thủ quỹ
(Ký)

+Kế toán hạch toán

Nợ Tk 111 : 8.800.000

Có Tk 511 : 8.000.000

Có Tk 3331: 800.000

- **Nghiệp vụ số 02:**

Phiếu thu số PT04 ngày 10/01/2011: Công ty TNHH Đức Lâm trả tiền nợ kỳ trước với số tiền là: 16.500.000 đồng.

Đơn vị: Công ty TNHH MTV Hợp Quốc
Địa chỉ: 171- Hàm Nghi – Đông Hà – Quảng Trị

Mẫu số: C30-BB
Ban hành theo QĐ

24

Svth: Lê Thị Xoan

Trang:

30/03/2006

Số 19/2006/QĐ-BTC-ngày

Của bộ trưởng bộ tài chính

Phiếu thu Số:04

Ngày 10/01/2011

Nợ.....111.....

Có131.....

Họ tên người nộp tiền: **Công ty TNHH Đức Lâm**

Địa chỉ: 85 – Nguyễn Trãi – Phường 3 – TP Đông Hà

Lý do nộp: Trả tiền hàng.

Số tiền: **16.500.000 đ.**

Bằng chữ: mười sáu triệu năm trăm nghìn đồng chẵn.

Kèm theo Chứng từ kế toán

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): Tám triệu tám trăm nghìn đồng chẵn..

Ngày 10 tháng 01 năm

2011

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, đóng dấu)**Kế toán trưởng**
(Ký)**Người nộp tiền**
(Ký)**Thủ quỹ**
(Ký)

+ Kế toán hạch toán

Nợ Tk 111 : 16.500.000

Có Tk 131 : 16.500.000

- **Nghiệp vụ số 03:**

Phiếu thu số PT08 ngày 15/01/2011: Ông Nguyễn Nhật Túc rút tiền gửi ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại Thương Việt Nam – CN Quảng Trị về nhập quỹ với số tiền là : 40.000.000 đồng.

+ Chứng từ sử dụng: giấy báo nợ 03, phiếu thu số 08.

Ngân hàng : thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam – chi nhánh Quảng Trị.**Vietcombank****PHIẾU HẠCH TOÁN**

Ngày 15/01/2011

TÀI KHOẢN	SỐ TIỀN
Nợ: 0161000578843 CTY TNHH MTV HOP QUOC	40.000.000
Có: 0161000578843 CTY TNHH MTV HOP QUOC	40.000.000
Có 1:	
Có 2:	

Số tiền bằng chữ: bốn mươi triệu đồng chẵn.

Nội dung : rút tiền về nhập quỹ.

25**Svth: Lê Thị Xoan****Trang:**

Thanh toán viên

kiểm soát

Giám đốc

Đơn vị: Công ty TNHH MTV Hợp Quốc	Mẫu số: C30-BB		
Địa chỉ: 171- Hàm Nghi – Đông Hà – Quảng Trị	Ban hành theo QĐ		
30/03/2006	Số 19/2006/QĐ-BTC-ngày		
	Của bộ trưởng bộ tài chính		
Phiếu thu Số:08	Nợ.....111.....		
Ngày 15/01/2011	Có112.....		
Họ tên người nộp tiền: Nguyễn Nhật Túc			
Địa chỉ: Công ty TNHH MTV Hợp Quốc			
Lý do nộp: rút tiền gửi về nhập quỹ.			
Số tiền: 40.000.000 đ.			
Bằng chữ: bốn mươi triệu đồng chẵn.			
Kèm theo	Chứng từ kế toán		
Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): bốn mươi triệu đồng chẵn.			
	Ngày 15 tháng 01 năm 2011		
Thủ trưởng đơn vị	Kế toán trưởng	Người nộp tiền	Thủ
quỹ			
(ký, đóng dấu)	(ký, họ tên)	(ký, họ tên)	(ký, họ
yên)			
+ Kế toán hạch toán			
Nợ Tk 111 : 40.000.000			
Có Tk 112 : 40.000.000			

2 Các nghiệp vụ làm giảm tiền mặt tại quỹ.

- Nghiệp vụ số 01:

Phiếu chi số PC02 ngày 10/01/2011: chi tiền mua vật tư theo hóa đơn số 0040395 của DNTN Hải Ngọc với số tiền là 18.150.000 đồng.

+ Chứng từ gốc liên quan: hóa đơn GTGT số 0040395, phiếu chi số 02, phiếu nhập 02

HÓA ĐƠN	
GIÁ TRỊ GIA TĂNG	
01GTKT3/001	Liên 2 giao cho khách hàng
32AA/10P	Mẫu số:
	Ngày 10 tháng 01 năm 2010
	Ký hiệu:
26	
Svth: Lê Thị Xoan	Trang:

Số:

0040395

Đơn vị bán hàng: **DNTN Hải Ngọc**

Địa chỉ: Đông Hà –Quảng Trị

Số tài khoản: 12115671589

Điện thoại: 0533.665.775

MST:04 0011291

Họ và tên người mua: **Lê Anh Sơn**Tên đơn vị: **Công ty TNHH MTV Hợp Quốc**

Địa chỉ: 171 Hàm Nghi – Đông Hà – Quảng Trị

Số tài khoản: 016100578843

Hình thức thanh toán: Tiền mặt

MS:3200276064

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Thép 2180	kg	500	15.000	7.500.000
2	Xi măng bím sơn	Tấn	10	900.000	9.000.000
Cộng thành tiền					16.500.000
Thuế suất thuế GTGT: 10% Tiền thuế GTGT					1.650.000
Tổng cộng tiền thanh toán					18.150.000
Bằng chữ: Mười tám triệu một trăm năm mươi nghìn đồng					

Ngày 10 tháng 01 năm

2011

Người mua hàng
(ký, ghi họ tên)Người bán hàng
(ký, ghi họ tên)Thủ trưởng đơn vị
(Đóng dấu, ký ghi họ tên)

Đơn vị: Công ty TNHH MTV Hợp Quốc

Mẫu số:01-VT

Địa chỉ: 171 Hàm Nghi-Đông Hà-Quảng Trị

QĐ số

15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của

BTC

PHIẾU NHẬP KHO

Ngày 10 tháng 01 năm 2011

Nợ : 152, 1331

Số: 02

Có : 111

Họ tên người giao hàng: Trần Văn Nam Địa chỉ (bộ phận): NV mua hàng

Theo HĐ số 0000541 ngày 10 tháng 01 năm 2011 DNTN Hải Ngọc

Nhập tại kho: công ty

stt	Tên nhãn hiệu quy cách phẩm chất vật tư, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa	Mã số	Đơn giá	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Theo CT	Thực nhập		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Thép 2180	T2180	kg	500	500	15.000	7.500.000
2	Xi măng bím sơn	BS	Tấn	10	10	900.000	9.000.000
	Thuế GTGT 10 %						1.650.000
	Cộng						18.150.000

Viết bằng chữ : Mười tám triệu một trăm năm mươi nghìn đồng

Quảng Trị, ngày 10 tháng 01

năm 2011

Thủ trưởng đơn vị

Kế toán trưởng

Người giao hàng

Thủ

kho

(ký tên)

(ký tên)

(ký tên)

(ký tên)

Đơn vị: Công ty TNHH MTV Hợp Quốc

Địa chỉ: Đông Hà – Quảng Trị

Mẫu số C31-BB

Theo QĐ số: 19/2006/QĐ-BTC

Ngày 30/03/2006

Của bộ trưởng BTC

Phiếu chi

Quyển số: 01

Ngày 10/01/2011

Nợ : 152,1331

Số: 02.

Có : 111

Họ tên người nhận tiền: **Lê Anh Sơn**

28

Svth: Lê Thị Xoan

Trang:

Địa chỉ: NV mua hàng

Lý do chi: Trả tiền hàng

Số tiền: **18.150.000 đ.**

Bằng chữ: Mười tám triệu một trăm năm mươi nghìn đồng.

Ngày 10 tháng 01 năm 2011

Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu)	Kế toán trưởng (Ký)	Người lập (Ký)	Thủ quỹ (Ký)	Người nhận tiền (Ký)
--	-------------------------------	--------------------------	------------------------	--------------------------------

+ Kế toán hạch toán

Nợ Tk 152 : 16.500.000

Nợ Tk 133 : 1.650.000

Có Tk 111: 18.150.000

- **Nghiệp vụ số 02**

Phiếu chi số PC07 ngày 15/01/2011: cô Trần Lan Trinh đề nghị được tạm ứng với số tiền 10.000.000 đồng để mua văn phòng phẩm.

+ Chứng từ gốc liên quan: Giấy đề nghị tạm ứng, phiếu chi số 07.

Đơn vị: Công ty TNHH MTV Hợp Quốc.

Mẫu số: C22-H

Địa chỉ: Đông Hà – Quảng trị.

Ban hành theo QĐ

số:999-TC/QĐ/CĐKT

Ngày 02.11.1996 của Bộ Tài

Chính

GIẤY ĐỀ NGHỊ TẠM ỨNG

Kính gửi: - Giám đốc công ty

- Kế toán trưởng công ty

Tôi tên là: **Trần Lan Trinh**

Bộ phận : văn phòng

Xin đề nghị tạm ứng số tiền: **10.000.000 đồng**.

Viết bằng chữ: mười triệu đồng chẵn.

Về khoản: tạm ứng mua văn phòng phẩm.

Thời gian thanh toán

Kính đề nghị giám đốc công ty giải quyết cho tôi tạm ứng số tiền trên.

Ngày 15 tháng 01 năm 2011

Thủ trưởng đơn vị

Kế toán trưởng

Người đề nghị tạm

ứng

(ký, họ tên, đóng dấu)

(ký, họ tên)

(ký, họ tên)

Sau khi phiếu đề nghị tạm ứng được Giám Đốc và kế toán trưởng duyệt, kế toán lập phiếu chi và thủ quỹ chi tiền

Đơn vị: Công ty TNHH MTV Hợp Quốc

Địa chỉ: Đông Hà – Quảng Trị

Mẫu số C31-BB

Theo QĐ số: 19/2006/QĐ-BTC

Ngày 30/03/2006

Của bộ trưởng BTC

Phiếu chi

Quyển số: 01

Ngày 15/01/2011

Nợ : 141

Số: 07.

Có : 111

Họ tên người nhận tiền: **Trần Lan Trinh**

Địa chỉ: văn phòng

30

Svth: Lê Thị Xoan

Trang:

Lý do chi: tạm ứng mua văn phòng phẩm.

Số tiền: **10.000.000 đ.**

Bằng chữ: Mười triệu đồng chẵn.

Ngày 15 tháng 01 năm 2011

Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu)	Kế toán trưởng (Ký)	Người lập (Ký)	Thủ quỹ (Ký)	Người tiền (Ký)	nhận
--	-------------------------------	--------------------------	------------------------	-------------------------------	-------------

+ Kế toán hạch toán

Nợ Tk 141 : 10.000.000

Có Tk 111: 10.000.000

- **Nghiệp vụ số 04:**

Phiếu chi số PC10 ngày 19/01/2011 nhận được GBC số 05 của ngân hàng công thương công ty nộp tiền vào ngân hàng là 50.000.000 đồng.

+ chứng từ gốc liên quan: phiếu chi số 10, giấy nộp tiền 01.

+Kế toán hạch toán

Nợ Tk 112 : 50.000.000

Có Tk 111: 50.000.000

Ngân hàng: thương mại cổ phần Ngoại Thương Việt Nam – chi nhánh Quảng Trị



Vietcombank

GIẤY NỘP TIỀN

Ngày 19/01/2011

Tên người nộp tiền: Nguyễn Hoàng Lan

Địa chỉ: Công ty TNHH MTV Hợp Quốc

Thông tin người thụ hưởng (*)

Tên người thụ hưởng: **Công ty TNHH MTV Hợp Quốc**

Số tài khoản: 016100578843

Tại ngân hàng: Vietcombank Quảng Trị

Nội dung nộp: chuyển tiền vào tài khoản

Số tiền: **50.000.000 đ**

Viết bằng chữ: năm mươi triệu đồng chẵn.

Người nộp tiền

Giao dịch viên

Kiểm soát

(ký, họ tên)

(ký, họ tên)

(ký, họ tên)

Đơn vị: Công ty TNHH MTV Hợp Quốc

Địa chỉ: Đông Hà – Quảng Trị

Mẫu số C31-BB

Theo QĐ số: 19/2006/QĐ-BTC

Ngày 30/03/2006

Của bộ trưởng BTC

Phiếu chi

Quyển số: 01

Ngày 19/01/2011

Nợ : 112

Số: 10.

Có : 111

Họ tên người nhận tiền: **Lê Nhật Túc.**

Địa chỉ: phòng kế toán

Lý do chi: chi tiền gửi vào ngân hàng.

Số tiền: **50.000.000 đ.**

Bằng chữ: Năm mươi triệu đồng chẵn.

Ngày 19 tháng 01 năm 201

Thủ trưởng đơn vị
tiền

Kế toán trưởng

Thủ quỹ

Người nhận

Ký, họ tên)

(ký, họ tên)

(ký, họ tên)

(ký, họ tên)

- ❖ Tập hợp các phiếu thu, phiếu chi trong tháng 01 năm 2011 kế toán tiến hành ghi vào sổ quỹ tiền mặt.

Trình tự ghi sổ như sau:

Đơn vị : Công ty TNHH MTV Hợp Quốc

Địa chỉ: Đông Hà – Quảng Trị.

SỔ QUỸ TIỀN MẶT

Tháng 01 năm 2011

ĐVT: đồng

Ngày tháng	Số phiếu		Diễn giải	Đối ứng	Số tiền		
	Thu	Chi			Thu	Chi	
			Tồn đầu tháng 01			584.648.671	
05/01	01		Thu tiền bán hàng của khách hàng Ánh Mây	511,3331		8.800.000	
10/01	04		DNTN Đức Lâm trả nợ	131		16.500.000	
10/01		02	Chi tiền mua nguyên vật liệu nhập kho	152,3331			18.150.000
15/01		07	Chi tiền tạm ứng cho cô Trần Lan Trinh	141			10.000.000
15/01	08		Rút tiền gửi về nhập quỹ	112		40.000.000	
17/01		08	Chi tiếp khách	642			2.000.000
19/01		10	Rút tiền mặt nộp tiền gửi	112			50.000.000
20/01	12		Thu hồi tạm ứng	141		2.400.000	
23/01	13		Vay vốn về nộp quỹ tiền mặt	311		15.000.000	
23/01		12	Chi tiền trả nợ cho công ty cổ phần Minh Châu	331			105.250.000
						
			Tổng cộng số phát sinh trong tháng 01			199.171.000	206.577.606
			Số dư cuối tháng 01			577.242.065	

Ngày 31 tháng 01 năm 2011

Người lập phiếu

(ký, họ tên)

33

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

Thủ trưởng đơn vị

(ký, họ tên)

Dựa vào sổ quỹ tiền mặt để vào bảng chứng từ ghi Nợ - Có TK111

Đơn vị : Công ty TNHH MTV Hợp Quốc

Địa chỉ: 171 – Hàm Nghi – Đông Hà – Quảng Trị.

BẢNG KÊ CHỨNG TỪ GHI NỢ - TK111

Tháng 01 năm 2011

ĐVT: đồng

Chứng từ		Diễn giải	Số tiền	Ghi nợ tài khoản 111-ghi có các tài khoản khác					
Số	ngày			511	3331	131	112		
PT01	05/01	Thu tiền bán hàng	8.800.000	8.000.000	800.000				
PT04	10/01	DNTN Đức lâm trả nợ	16.500.000			16.500.000			
PT08	15/01	Rút tiền gửi nộp quỹ	40.000.000				40.000.000		
.....	
		Tổng cộng	199.171.000	8.000.000	800.000	16.500.000	40.000.000		

Ngày 31 tháng 01 năm 2011

Người lập phiếu

(ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

Thủ trưởng đơn vị

(ký, họ tên)

Đơn vị : Công ty TNHH MTV Hợp Quốc

Địa chỉ: 171 – Hàm Nghi – Đông Hà – Quảng Trị.

BẢNG KÊ CHỨNG TỪ GHI CÓ – TK111

Tháng 01 năm 2011

ĐVT: đồng

Chứng từ		Diễn giải	Số tiền	Ghi có tài khoản 111-ghi nợ các tài khoản khác			
Số	ngày			152	1331	141	112
PC02	10/01	Mua nguyên vật liệu	18.150.000	16.500.000	1.650.000		
PC07	15/01	Chi tạm ứng	10.000.000			10.000.000	
PC10	19/01	Rút tiền mặt nhập quỹ tiền gửi	50.000.000				50.000.000
.....
		Tổng cộng	206.577.606	16.500.000	1.650.000	10.000.000	50.000.000

Ngày 31 tháng 01 năm 2011

Người lập phiếu

(ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

Thủ trưởng đơn vị

(ký, họ tên)

- ❖ Căn cứ vào bảng kê chứng từ Nợ - Có Tk 111, cuối tháng kê toán ghi vào chứng từ

ghi sổ số 01,02.

Đơn vị : Công ty TNHH MTV Hợp Quốc

Địa chỉ: 171 – Hàm Nghi – Đông Hà – Quảng Trị

Chứng từ ghi sổ

Tháng 01/2011

Số: 01

Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản		Số tiền
Số	Ngày		Nợ	Có	
PT01		Bán hàng cho khách hàng Ánh Mây	111	511	8.000.000
		Thuế GTGT đầu ra	111	3331	800.000
PT04	10/01	DNTN Đức Lâm trả nợ	111	131	16.500.000
PT08	15/01	Rút tiền gửi về nhập quỹ	111	112	40.000.000
				
		Cộng			199.171.000

Ngày 31 tháng 01 năm 2011

Người lập
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Đơn vị : Công ty TNHH MTV Hợp Quốc
Địa chỉ: 171 – Hàm Nghi – Đông Hà – Quảng Trị

Chứng từ ghi sổ

Tháng 01/2011

Số: 02

Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản		Số tiền
Số	Ngày		Nợ	Có	
PC02		Mua nguyên vật liệu về nhập kho	152	111	16.500.000
		Thuế GTGT đầu vào	1331	111	1.650.000
PC07	15/01	Chi tạm ứng cho Trần Lan Trinh	141	111	10.000.000
PC10	19/01	Rút tiền mặt gửi ngân hàng	112	111	50.000.000
				
		Cộng			206.577.606

Ngày 31 tháng 01 năm 2011

Người lập
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

- ❖ Chứng từ ghi sổ lập xong được kế toán trưởng kiểm tra, phê duyệt rồi chuyển cho kế toán tổng hợp vào sổ đăng ký chứng từ ghi sổ.

Đơn vị : Công ty TNHH MTV Hợp Quốc

Địa chỉ: 171 – Hàm Nghi – Đông Hà – Quảng Trị

SỔ ĐĂNG KÝ CHỨNG TỪ GHI SỔ

Ngày 31 tháng 01 năm 2011

Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	Chứng từ ghi sổ		Số tiền
Số hiệu	Ngày tháng		Số hiệu	Ngày tháng	
CTGS01	31/01/2011	199.171.000			
CTGS02	31/01/2011	206.577.606			

Ngày 31 tháng 01 năm 2011

Người lập

(ký, họ tên)

(tên)

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

Giám đốc

(ký, họ

Đến cuối tháng căn cứ vào sổ chứng từ ghi sổ và sổ đăng ký chứng từ để lên sổ cái, tổng số phát sinh trên sổ cái được dùng để đối chiếu với số tiền thu, chi trong tháng trong sổ chi tiết TK111. Để đảm bảo tính chính xác, cuối kỳ kế toán tiền mặt đối chiếu với số dư ngân hàng để phát hiện và điều chỉnh những sai sót nếu có.

Đơn vị : Công ty TNHH MTV Hợp Quốc
Địa chỉ: 171 – Hàm Nghi – Đông Hà – Quảng Trị

SỔ CÁI
Ngày 31 tháng 01 năm 2011
Tên tài khoản: tiền mặt

Mẫu số SO2c1-DN

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	Đối ứng	Số tiền	
Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
		Số dư đầu tháng 01		584.648.671	
CTGS01	31/01	Bán hàng cho khách hàng Ánh Mây	511,3331	8.800.000	
CTGS01	31/01	DNTN Đức Lâm trả nợ	131	16.500.000	
CTGS01	31/01	Rút tiền gửi về nhập quỹ	112	40.000.000	
....
CTGS02	31/01	Mua nguyên vật liệu nhập kho	152,1331		18.150.000
CTGS02	31/01	Chi tạm ứng cho Trần Lan Trinh	141		10.000.000
CTGS02	31/01	Rút tiền mặt gửi ngân hàng	112		50.000.000
				
		Tổng cộng số phát sinh		199.171.000	206.577.606
		Số dư cuối tháng 01		577.242.065	

Người lập

39

Svth: Lê Thị Xoan

Kế toán trưởng

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Giám đốc

Trang:

(ký , họ tên)

(ký , họ tên)

(ký , họ tên)

2.2.2 Kế toán tiền gửi ngân hàng

2.2.2.1 Chứng từ sử dụng

- Giấy báo có
- Giấy báo nợ
- Ủy nhiệm chi, ủy nhiệm thu, giấy nộp tiền.

2.2.2.2. Tài khoản sử dụng

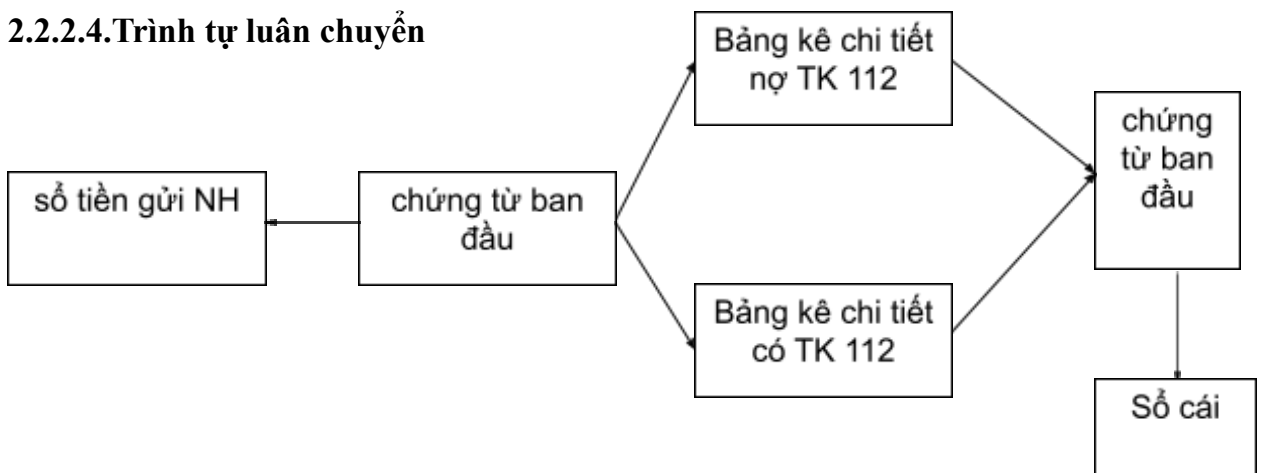
Kế toán sử dụng tài khoản 1121 “ tiền gửi ngân hàng bằng VNĐ”

Công dụng: dùng để phản ánh số liệu tiền hiện có và tình hình biến động của tất cả các loại tiền của công ty gửi tại ngân hàng, kho bạc, công ty tài chính.

2.2.2.3 Sổ sách kế toán sử dụng

- Bảng kê chi tiết TK Nợ (có) 112
- Sổ TGNH
- Chứng từ ghi sổ
- Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ
- Sổ cái TGNH

2.2.2.4. Trình tự luân chuyển



2.2.2.5. Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh thực tế tại công ty

Nghiệp vụ 1:

Giấy báo có GBC01 ngày 05/01/2011: Công ty TNHH Phước Đạt trả nợ số tiền 20.000.000 đồng.

Ngân hàng: thương mại cổ phần Ngoại Thương Việt Nam - chi nhánh Quảng Trị.



GIẤY BÁO CÓ

41

Svth: Lê Thị Xoan

Trang:

Ngày 12/02/2011

Số tài khoản: 016100578843

Tên Tk: **công ty TNHH MTV Hợp Quốc.**

Địa chỉ: 171-Hàm Nghi-Đông Hà – Quảng Trị.

Ngân hàng: Vicombank

Người nộp tiền:

Họ và tên: **Công ty TNHH Mai Linh.**

Địa chỉ: Đông Hà – Quảng Trị.

Nội dung nộp: trả tiền hàng.

Số tiền : **25.000.000 VND**Viết bằng chữ: *hai mươi lăm triệu đồng chẵn.**Dành cho ngân hàng ghi*Số tiền mặt nộp: **25.000.000**Tiền ghi có TK : **25.000.000**

Mã VAT khách hàng 3200276064

Thanh toán viên**Kiểm soát****thủ quỹ****Giám****đốc**

(ký, họ tên)

(ký, tên)

(ký, tên)

(ký, tên)

+ Kế toán hạch toán:

Nợ Tk 112 : 20.000.000

Có Tk 131: 20.000.000

- Nghiệp vụ 02:**Giấy báo có GBC03 ngày 22/01/2011** : thu tiền bán hàng của công ty TNHH Thanh

Hoa theo hóa đơn GTGT số 0000553 với số tiền là 55.000.000 đồng

+ Chứng từ gốc liên quan: Hóa đơn GTGT số 0000553, giấy báo có 03

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Liên 1

ký hiệu:

AA/2011-T

Ngày 22 tháng 01 năm 2011

Số: 0000553

Đơn vị bán hàng: **Công ty TNHH MTV Hợp Quốc**

42

Svth: **Lê Thị Xoan**

Trang:

Địa chỉ: 171Hàm Nghi – Đông Hà – Quảng Trị.

Số tài khoản: 016100578843

Điện thoại: 0533-854731

MST:3200276064

Họ và tên người mua: Trần Lan Anh

Tên đơn vị: **Công ty TNHH Thanh Hoa**

Địa chỉ: 15- Hàm Nghi- Phường 5 – TP Đông Hà

Số tài khoản: 011208565623

Hình thức thanh toán: chuyển khoản

MST: 00335618202

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Gỗ	Khối	10	5.000.000	50.000.000
Cộng thành tiền					50.000.000
Thuế suất thuế GTGT: 10% Tiền thuế GTGT					5.000.000
Tổng cộng tiền thanh toán					55.000.000
Bằng chữ: năm mươi năm triệu đồng chẵn.					

Người mua hàng
(ký, ghi họ tên)

Người bán hàng
(ký, ghi họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Đóng dấu, ký ghi họ tên)

ĐƠN VỊ : CÔNG TY TNHH MTV HỢP QUỐC

ĐỊA CHỈ: Đông Hà – Quảng Trị

Mẫu số: 02 –VT

QĐ số : 15/2006/QĐ – BTC

Ngày 20 tháng 03 năm 2006
của Bộ trưởng BTC

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 22 tháng 01 năm 2011

Số : 10

Nợ : TK 632

Có : TK155

Họ tên người nhận hàng: Trần Thị Mai

Địa chỉ (bộ phận): công ty TNHH MTV Hợp Quốc

Lý do xuất hàng: xuất hàng bán

Xuất tại kho: Công ty

S T T	Tên quy cách hàng hóa vật tư	Mẫu mã	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Số tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Gỗ	GO	Khối	10	10	3.500.000	35.000.000
	Cộng						35.000.000

Cộng thành tiền (bằng chữ): ba mươi lăm triệu đồng chẵn.

Ngày 20 tháng 01 năm 2011

Thủ trưởng đơn vị
(ký tên)

kế toán trưởng
(ký tên)

người nhận hàng
(ký tên)

thủ kho
(ký tên)

Ngân hàng: thương mại cổ phần Ngoại Thương Việt Nam - chi nhánh Quảng Trị.



GIẤY BẢO CỐ

Ngày 22/01/2011

Vietcombank

Số tài khoản: 0101000578843

Tên Tk: công ty TNHH MTV Hợp Quốc.

Địa chỉ: 171-Hàm Nghi-Đông Hà – Quảng Trị.

Ngân hàng: Vietcombank

Người nộp tiền:

Họ và tên: Công ty TNHH thanh Hoa

Địa chỉ: Đông Hà – Quảng Trị.

Nội dung nộp: trả tiền hàng.

Số tiền : **55.000.000 VND**

Viết bằng chữ: *năm mươi lăm triệu đồng chẵn.*

Dành cho ngân hàng ghi

Số tiền mặt nộp: **55.000.000**

Tiền ghi có TK : **55.000.000**

Mã VAT khách hàng 3200276064

Thanh toán viên

Kiểm soát

thủ quỹ

Giám

đốc

(ký, họ tên)

(ký, tên)

(ký, tên)

(ký, tên)

+ Kế toán hạch toán:


Nợ Tk 112 : 55.000.000

Có Tk 511: 50.000.000

Có Tk 3331: 5.000.000

- **Nghiệp vụ 03:**

Giấy báo có số GBC04 ngày 25/01/2011: nhận được lãi tiền gửi với số tiền 4.576.667 đồng.

Ngân hàng: thương mại cô phân Ngoại Thương Việt Nam - chi nhánh Quảng Trị.			
		GIẤY BÁO CÓ	
		Ngày 25/01/2011	
Số tài khoản	:43		
Tên công ty	: MTV Hợp Quốc.		
Địa chỉ:	171-Hàm Nghi-Đông Hà – Quảng Trị.		
Ngân hàng:	Vietcombank		
Người nộp tiền:			
Họ và tên:	Vietcombank		
Địa chỉ:			
Nội dung nộp:	trả tiền hàng.		
Số tiền :	4.576.667 VND		
Viết bằng chữ:	<i>bốn triệu năm trăm bảy mươi sáu nghìn sáu trăm sáu mươi bảy đồng chẵn.</i>		
Dành cho ngân hàng ghi			
Số tiền mặt nộp:	4.576.667		
Tiền ghi có TK :	4.576.667		
Thanh toán viên	Kiểm soát	thủ quỹ	Giám
độc			
(ký, họ tên)	(ký, tên)	(ký, tên)	(ký, tên)

+ Kế toán hạch toán:


Nợ Tk 112 : 4.576.667

Có Tk 515: 4.576.667

❖ **Các nghiệp vụ làm giảm tiền gửi ngân hàng.**

- **Nghiệp vụ 01:**

Giấy báo nợ số GBN01 ngày 07/01/2011: trả nợ cho công ty TNHH Nguyên Cường với số tiền 15.000.000 đồng.

Ngân hàng : thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam – chi nhánh Quảng Trị.	
	
PHIẾU HẠCH TOÁN	
Ngày 07/01/2011	
TÀI KHOẢN	SỐ TIỀN
Nợ: 0161000578843 CTY TNHH MTV HOP QUOC	27.500.000
Có: 0113115511211 CTY CO PHAN MINH CHAU	27.500.000
Có 1:	
Có 2:	
Số tiền bằng chữ: hai mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng chẵn. Nội dung : trả nợ tiền hàng.	
Thanh toán viên	kiểm soát
đọc	Giám

+ Kế toán hạch toán:

Nợ Tk 331 : 15.000.000

Có Tk 112 : 15.000.000

- **Nghiệp vụ 02:**

Giấy báo nợ số GBN03 ngày 20/01/2011: trả tiền hàng mua nguyên vật liệu về nhập kho theo hóa đơn GTGT số 0000451 ngày 20/01/2011 số tiền là 35.024.000 đ.

Đơn vị: Công ty cổ phần Minh Châu

Địa chỉ: Đông Hà –Quảng Trị

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Liên 2 giao cho khách hàng

Ký hiệu :

AB/2011-T

Ngày 20 tháng 01 năm 2010

SH:0000451

Đơn vị bán hàng: **công ty cổ phần Minh Châu**

Địa chỉ: Đông Hà –Quảng Trị

Số tài khoản: 0113115511211

46

Svth: **Lê Thị Xoan**

Trang:

Điện thoại: 0533.336.445

MST:0033123321012

Họ và tên người mua: **Lê Anh Sơn**Tên đơn vị: **Công ty TNHH MTV Hợp Quốc**

Địa chỉ: khu phố 10 phường 5, TP Đông Hà - Quảng Trị.

Số tài khoản:016100578843

Hình thức thanh toán: Tiền mặt

MS:3200276064

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Sắt 10	cây	100	188.000	18.800.000
2	Sắt 6	kg	200	65.200	13.040.000
Cộng thành tiền					31.840.000
Thuế suất thuế GTGT: 10% Tiền thuế GTGT					3.184.000
Tổng cộng tiền thanh toán					35.024.000
Bằng chữ: ba mươi lăm triệu không trăm hai mươi tư nghìn đồng chẵn					

Người mua hàng
(ký, ghi họ tên)

Người bán hàng
(ký, ghi họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Đóng dấu, ký ghi họ tên)

Đơn vị: Công ty TNHH MTV Hợp Quốc
Địa chỉ: 171 Hàm Nghi-Đông Hà-Quảng Trị
15/2006/QĐ-BTC

Mẫu số:01-VT
QĐ số

Ngày 20/03/2006 của

BTC

47

Svth: Lê Thị Xoan

Trang:

PHIẾU NHẬP KHO

Ngày 20 tháng 01 năm 2011

Nợ : 152, 1331

Số: 10

Có : 111

Họ tên người giao hàng: Trần Văn Nam Địa chỉ (bộ phận): NV mua hàng
 Theo HĐ số 0000541 ngày 10 tháng 01 năm 2011 công ty cổ phần Minh Châu

Nhập tại kho: công ty

stt	Tên quy cách sản phẩm hàng hóa	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Số tiền
				Theo CT	Thực nhập		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Sắt 10	S10	cây	100	100	188.000	18.800.000
2	Sắt 6	S6	kg	200	200	65.200	13.040.000
	Cộng						31.840.000

Viết bằng chữ : Ba mươi một triệu tám trăm bốn mươi nghìn đồng chẵn.

Quảng Trị, ngày 20 tháng 01


năm 2011

Thủ trưởng đơn vị
(ký tên)

Kế toán trưởng
(ký tên)

Người giao hàng
(ký tên)

Thủ kho
(ký tên)

Ngân hàng : thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam – chi nhánh Quảng Trị.	
	
PHIẾU HẠCH TOÁN	
Ngày 20/01/2011	
TÀI KHOẢN	SỐ TIỀN
Nợ: 0161000578843 CTY TNHH MTV HOP QUOC	35.024.000
Có: 0113115511211 CTY CO PHAN MINH CHAU	35.024.000
Số tiền bằng chữ: ba mươi lăm triệu không trăm hai mươi tư nghìn đồng chẵn.	
Nội dung : trả nợ tiền hàng.	
Thanh toán viên	kiểm soát
đọc	Giám

+ Kế toán hạch toán:


Nợ Tk 152 : 31.840.000

Nợ Tk 133 : 3.184.000

Có Tk 112 : 35.024.000

- **Nghiệp vụ 03:**

Giấy báo nợ số GBN04 ngày 25/01/2011: trả nợ vay ngắn hạn cho ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam – chi nhánh Quảng Trị với số tiền 80.000.000 đ.

Ngân hàng : thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam – chi nhánh Quảng Trị.		
 PHIẾU HẠCH TOÁN Ngày 25/01/2011		
TÀI KHOẢN	SỐ TIỀN	
Nợ: 0161000578843 CTY TNHH MTV HOP QUOC	80.000.000	
Có: Vietcombank	80.000.000	
Có 1:		
Có 2:		
Số tiền bằng chữ: Tám mươi triệu đồng chẵn. Nội dung : trả nợ vay ngắn hạn.		
Thanh toán viên đọc	kiểm soát	Giám

+ Kế toán hạch toán:

Nợ Tk 311 : 80.000.000

Có Tk 112 : 80.000.000

Hàng ngày tập hợp từ các giấy nộp tiền, giấy báo nợ, giấy báo có, kế toán tiền gửi ngân hàng sẽ ghi vào sổ theo dõi tiền gửi ngân

Đơn vị : Công ty TNHH MTV Hợp Quốc

SỔ THEO DÕI TIỀN GỬI NGÂN HÀNG

Địa chỉ: Đông Hà – Quảng Trị.

Tháng 01 năm 2011

	Chứng từ		Diễn giải	Số tiền		Số tiền
	Nợ	Có		Nợ	Có	
			Tồn đầu tháng 01			1.245.856.231
05/01	GBC01		Cty TNHH Phước Đạt trả nợ	20.000.000		1.265.856.231
07/01		GBN01	Trả nợ cho công ty TNHH Nguyên Cường		15.000.000	1.250.856.231
10/01		GBN02	Trả lãi vay ngắn hạn		3.466.667	1.247.389.564
15/01	GBC02		UBND Đakrong trả trước tiền	200.000.000		1.447.389.564
19/01	GNT01		Rút tiền mặt gửi vào ngân hàng	50.000.000		1.497.389.564
20/01		GBN03	Mua nguyên vật liệu nhập kho		35.024.000	1.462.365.564
22/01	GBC03		Thu tiền bán hàng công ty TNHH Thanh Hoa	55.000.000		1.517.365.564
25/01	GBC04		Nhận được tiền lãi tiền gửi ngân hàng	4.576.667		1.521.942.231
25/01		GBN04	Trả nợ vay ngân hàng		80.000.000	1.441.942.231
28/01		GBN05	Rút tiền gửi về nhập quỹ tiền mặt		40.000.000	1.401.942.231
			Tổng số phát sinh trong tháng 01	329.576.667	173.490.667	
			Tồn cuối tháng 01			1.401.942.231

Người lập phiếu

Kế toán trưởng

Thủ trưởng đơn vị

50

Svth: Lê Thị Xoan

Trang:

(ký, họ tên)

(ký, họ tên)

(ký, họ tên)

❖ Dựa vào sổ theo dõi tiền gửi ngân hàng, cuối tháng kế toán vào bảng kê chi tiết Nợ

Đơn vị : Công ty TNHH MTV Hợp Quốc

Địa chỉ: 171 – Hàm Nghi – Đông Hà – Quảng Trị.

BẢNG KÊ CHI TIẾT - TK112

Tháng 01 năm 2011

ĐVT: đồng

Chứng từ		Diễn giải	số tiền	Ghi nợ tài khoản 112 -ghi có các tài khoản khác					
Số	ngày			131	511	3331	515		
GBC01	05/01	Cty TNHH Phước Đạt trả nợ	20.000.000	20.000.000					
GBC03	22/01	Thu tiền bán hàng công ty TNHH Thanh Hoa	55.000.000		50.000.000	5.000.000			
GBC04	25/01	Nhận được tiền lãi tiền gửi ngân hàng	4.576.667				4576.667		
.....
		Tổng cộng	329.576.667	20.000.000	50.000.000	5.000.000	4.576.667		

Ngày 31 tháng 01 năm 2011

Người lập phiếu

(ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

Thủ trưởng đơn vị

(ký, họ tên)

Đơn vị : Công ty TNHH MTV Hợp Quốc

Địa chỉ: 171 – Hàm Nghi – Đông Hà – Quảng Trị.

BẢNG KÊ CHI TIẾT - TK112

Tháng 01 năm 2011

ĐVT: đồng

Chứng từ		Diễn giải	số tiền	Ghi có TK 112 -ghi nợ các tài khoản khác					
Số	ngày			331	152	1331	311		
GBN01	07/01	Trả nợ cho công ty TNHH Nguyên Cường	15.000.000	15.000.000					
GBN03	20/01	Mua nguyên vật liệu nhập kho	35.024.000		31.840.000	3.184.000			
GBN04	25/01	Trả nợ vay ngân hàng	80.000.000				80.000.000		
.....
		Tổng cộng	173.490.667	15.000.000	31.840.000	3.184.000	80.000.000		

Ngày 31 tháng 01 năm 2011

Người lập phiếu

(ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

Thủ trưởng đơn vị

(ký, họ tên)

- ❖ Căn cứ vào bảng kê chi tiết Nợ - Có Tk 112, cuối tháng kế toán ghi vào chứng từ ghi sổ số 03,04.

Đơn vị : Công ty TNHH MTV Hợp Quốc					
Địa chỉ: 171 – Hàm Nghi – Đông Hà – Quảng Trị					
Chứng từ ghi sổ					
Tháng 01/2011					
Số: 03					
Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản		Số tiền
Số	Ngày		Nợ	Có	
GBC01	05/01	Cty TNHH Phước Đạt trả nợ	112	131	20.000.000
GBC03	22/01	Thu tiền bán hàng công ty TNHH Thanh Hoa	112	511	50.000.000
		Thuế GTGT đầu ra	112	3331	5.000.000
GBC04	05/01	Nhận được tiền lãi tiền gửi ngân hàng	112	515	4.576.667
.....
Tổng Cộng					329.576.667
Người lập (Ký, họ tên)			Ngày 31 tháng 01 năm 2011		
			Kế toán trưởng (ký, họ tên)		

Đơn vị : Công ty TNHH MTV Hợp Quốc	
Địa chỉ: 171 – Hàm Nghi – Đông Hà – Quảng Trị	
Chứng từ ghi sổ	
55	
Svth: Lê Thị Xoan	Trang:

Tháng 01/2011

Số: 04

Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản		Số tiền
Số	Ngày		Nợ	Có	
GBN01	07/01	Trả nợ cho công ty TNHH Nguyễn Cường	331	112	15.000.000
GBN03	20/01	Mua nguyên vật liệu nhập kho	152	112	31.840.000
		Thuế GTGT đầu vào	1331	112	3.184.000
GBN04	25/01	Trả nợ vay ngân hàng	311	112	80.000.000
.....
		Tổng Cộng			173.490.667

Ngày 31 tháng 01 năm 2011

Người lập
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

- ❖ Chứng từ ghi sổ lập xong được kế toán trưởng kiểm tra, phê duyệt rồi chuyển cho kế toán tổng hợp vào sổ đăng ký chứng từ ghi sổ.

Đơn vị : Công ty TNHH MTV Hợp Quốc			
Địa chỉ: 171 – Hàm Nghi – Đông Hà – Quảng Trị			
SỔ ĐĂNG KÝ CHỨNG TỪ GHI SỔ			
Chứng từ ghi sổ	Số tiền	Chứng từ ghi sổ	Số tiền
56			
Svth: Lê Thị Xoan		Trang:	

Số hiệu	Ngày tháng		Số hiệu	Ngày tháng	
CTGS03	31/01/2011	329.576.667			
CTGS04	31/01/2011	173.490.667			

Ngày 31 tháng 01 năm 2011

Người lập
(ký, họ tên)
tên)**Kế toán trưởng**
(ký, họ tên)**Giám đốc**
(ký, họ

Đến cuối tháng căn cứ vào sổ chứng từ ghi sổ và sổ đănng ký chứng từ để lên sổ cái, tổng số phát sinh trên sổ cái được dùng để đối chiếu với số tiền thu, chi trong tháng trong sổ chi tiết TK112. Để đảm bảo tính chính xác, cuối kỳ kế toán tiền gửi đối chiếu với số dư ngân hàng để phát hiện và điều chỉnh những sai sót nếu có.

Đơn vị : Công ty TNHH MTV Hợp Quốc
Địa chỉ: 171 – Hàm Nghi – Đông Hà – Quảng Trị

SỔ CÁI
Ngày 31 tháng 01 năm 2011
Tên tài khoản: TGNH

Mẫu số SO2c1-DN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	đối ứng	Số tiền	
Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
		Số dư đầu tháng 01		1.245.856.231	
CTGS03	31/01	Cty TNHH Phước Đạt trả nợ	131	20.000.000	
CTGS03	31/01	Thu tiền bán hàng công ty TNHH Thanh Hoa	511,3331	55.000.000	
CTGS03	31/01	Nhận được tiền lãi tiền gửi ngân hàng	515	4.576.667	
.....
CTGS04	31/01	Trả nợ cho công ty TNHH Nguyên Cường	331		15.000.000
CTGS04	31/01	Mua nguyên vật liệu nhập kho	152,1331		35.024.000
CTGS04	31/01	Trả nợ vay ngân hàng	311		80.000.000
.....
		Tổng cộng số phát sinh		329.576.667	173.490.667
		Số dư cuối tháng 01			

Ngày 31 tháng 01 năm 2011

Người lập
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

giám đốc
(ký, họ tên)

2.2.3.Hạch toán tiền đang chuyển**2.2.3.1.Tiền đang chuyển**

Là tiền của doanh nghiệp đã nộp vào ngân hàng kho bạc hoặc đã gửi vào bưu điện để chuyển cho ngân hàng, hoặc đã làm thủ tục chuyển tiền tài khoản tại ngân hàng để trả cho đơn vị ngân hàng khác nhưng chưa nhận được giấy báo có hoặc bản sao kê của ngân hàng hay kho bạc.

2.2.3.2.Tài khoản sử dụng

Tk 113 “ tiền đang chuyển”

Nội dung và kế cấu

Nợ	TK112	Có
Số tiền hiện gửi tại ngân hàng		
Các khoản tiền đã nộp vào ngân hàng, kho bạc, hoặc chuyển vào bưu điện nhưng chưa nhận được giấy báo của ngân hàng hoặc đơn vị thụ hưởng.		Kết chuyển vào tài khoản có liên quan
Các khoản tiền đang chuyển cuối kỳ		

2.2.3.3.Phương pháp hạch toán

Tại công ty TNHH MTV Hợp Quốc không có các nghiệp vụ kế toán tiền đang chuyển.

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Một số biện pháp góp phần hoàn thiện công tác hạch toán vốn bằng tiền tại công ty.

Sau thời gian được thực tập tại Công ty, tôi đã có điều kiện tiếp cận với những kiến thức mang tính thực tế, được dịp trau dồi thêm kiến thức và áp dụng những điều đã học ở nhà trường vào thực tế hoạt động kế toán tại doanh nghiệp. Thời gian thực tập tại công ty là rất quý báu và hết sức cần thiết đối với những sinh viên sắp tốt nghiệp như tôi. Với khoảng thời gian hạn hẹp, kinh nghiệm còn thiếu, những nhận xét đánh giá, giải pháp đưa ra có thể chưa được hoàn thiện, xong đó là những điều chất lọc, tổng kết từ rất nhiều tình huống tôi đã được tham khảo, tìm hiểu và thu thập được qua quá trình thực tập. Tôi mong rằng những kiến thức còn ít ỏi của mình có thể đóng góp một phần nhỏ nhằm hoàn thiện hơn nữa hoạt động kế toán tại đơn vị.

1.1 Nhận xét chung về công tác kế toán tại công ty

Công ty tổ chức bộ máy kế toán theo hình thức tập trung, phòng tài chính kế toán thực hiện toàn bộ công tác kế toán của công ty, các xí nghiệp thành viên chỉ bố trí các kế toán phân xưởng làm nhiệm vụ ghi chép ban đầu, thu thập số liệu giản đơn gửi về phòng tài chính kế toán, kế toán trưởng trực tiếp phụ trách phòng kế toán công ty.

Tổ chức công tác kế toán ở Công ty là phù hợp với quy mô và đặc điểm của hình thức sản xuất. Bộ máy kế toán rất gọn nhẹ với việc phân công lao động cụ thể, trách nhiệm, nhiệm vụ cho từng cán bộ kế toán. Mọi phần hành của công tác kế toán đều có người theo dõi, thực hiện đầy đủ đúng nội quy.

Hình thức tổ chức này khá phù hợp với quy mô sản xuất kinh doanh của công ty, kế toán trưởng là người có quyền quyết định cao nhất và chịu trách nhiệm trước Giám đốc công ty, hỗ trợ cho kế toán trưởng còn có 2 phó phòng kế toán, góp phần tiết kiệm thời gian trong việc ra quyết định tài chính trong hoạt động kế toán nói chung và kế toán thanh toán với người mua và người cung cấp của công ty nói riêng mà vẫn đảm bảo dân chủ, khách quan không duy ý chí.

* Ưu điểm: Bộ máy gọn nhẹ, thu thập các thông tin tổng hợp một cách nhanh chóng. Quan hệ chỉ đạo trong toàn đơn vị thuận tiện cho việc phân công và chuyên môn hoá nghiệp vụ.

Tổ chức công tác kế toán ở Công ty là phù hợp với quy mô và đặc điểm của hình thức sản xuất. Bộ máy kế toán rất gọn nhẹ với việc phân công lao động cụ thể, trách nhiệm, nhiệm vụ cho từng cán bộ kế toán. Mọi phần hành của công tác kế toán đều có người theo dõi, thực hiện đầy đủ đúng nội quy.

Công ty đã lập, luân chuyển và lưu giữ chứng từ thực hiện theo đúng chế độ kế toán quy định nhằm phục vụ công tác hạch toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

Hệ thống tài khoản: được vận dụng một cách khoa học, thể hiện ở việc chi tiết các tài khoản đến tài khoản cấp 2, cấp 3 theo từng công trình, hạng mục công trình..., rất thuận tiện cho Công ty trong việc tính toán và theo dõi chi phí để tính giá thành cho từng công trình, hạng mục công trình.

Hệ thống sổ kế toán được mở đúng chế độ quy định bao gồm các sổ kế toán chi tiết đáp ứng yêu cầu tổng hợp số liệu cung cấp thông tin cần thiết cho đối tượng sử dụng.

* Nhược điểm: Số lượng nhân viên kế toán còn hạn chế nên mỗi người phải làm nhiều phần việc khác nhau đòi hỏi cán bộ kế toán phải có trình độ cao, giàu kinh nghiệm.

Về công tác tập hợp chứng từ: Kế toán đội thường gửi chứng từ gốc về phòng TCKT vào cuối tháng nên công việc của kế toán thường bị dồn vào cuối tháng. Điều này khiến các nhân viên phòng TCKT không chủ động được công việc của mình, đồng thời chịu áp lực lớn vào các ngày cuối tháng và rất dễ bị nhầm lẫn, sai sót trong công việc. Thông tin cung cấp cho kế toán quản trị vì thế cũng bị chậm trễ và gây ảnh hưởng đến việc ra quyết định kinh doanh.

Việc tổ chức quản lý chi phí chưa được chặt chẽ, toàn diện: Việc sử dụng hình thức “khoán” đã vô tình đánh mất vai trò quan trọng của kế toán công ty trong việc kiểm soát các chứng từ chi phí, không kiểm soát được các khoản mục chi phí chính xác đối với công trình giao khoán vì có những chi phí đội được tự quyền đi mua và thanh toán bằng tạm ứng của Công ty. Hơn nữa, các đội tự tổ chức quản lý thi công và tiến hành chấm công nên có thể dẫn đến tình trạng phản ánh sai lệch so với thực tế phát sinh. Công ty gặp nhiều khó khăn trong việc kiểm soát chi phí và tính toán giá thành chính xác cho từng công trình, hạng mục công trình, và có thể làm gia tăng đáng kể giá thành thực tế của công trình. Điều này dẫn đến việc phản ánh không chính xác lợi nhuận thực tế của mỗi công trình cũng như các khoản công nợ của công ty

1.2 Nhận xét về công tác kế toán vốn bằng tiền tại công ty

❖ Ưu điểm:

Sổ sách kế toán đã sử dụng và thực hiện theo đúng quy định của Ban tài chính, tập hợp chứng từ gốc vào các sổ chi tiết TSCĐ và thẻ TSCĐ. Sau đó ghi vào chứng từ ghi sổ một cách

cụ thể. Số liệu từ chứng từ ghi sổ vào sổ đăng ký chứng từ ghi sổ hoặc vào trực tiếp sổ cái để tiến hành lập bảng cân đối kế toán. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh một cách rõ ràng đầy đủ.

❖ **Nhược điểm:**

- Do đơn vị chưa có một định mức tiền mặt tồn quỹ cụ thể cũng như một kế hoạch thanh toán tiền công nợ thống nhất nên dẫn đến tình trạng số tiền mặt có tại quỹ của đơn vị không ổn định, có lúc quá ít có lúc quá nhiều. Điều này dễ gây nên những khó khăn cho Công ty trong việc chi tiêu tiền mặt phục vụ nhu cầu sản xuất kinh doanh hoặc gây ứ đọng quá nhiều tiền làm vòng quay của vốn bị chậm lại.

❖ **Một số biện pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền**

Qua thời gian kiến tập ở Công ty TNHH MTV Hợp Quốc. Tuy thời gian tìm hiểu nghiên cứu thực tế tại công ty bản thân em còn nhiều mặt hạn chế về kiến thức lý luận, kinh nghiệm thực tế trong tìm hiểu công tác kế toán tại Công ty. Căn cứ vào những tồn tại hiện nay của Công ty, em cũng mạnh dạn nói nên suy nghĩ chủ quan của mình, đề xuất đóng góp một vài ý kiến mong muốn góp phần hoàn thiện thêm công tác kế toán tại công ty.

- Công ty cần thực hiện đồng thời cả hai hình thức kế toán là kế toán tài chính và kế toán quản trị. Điều này sẽ góp phần giúp Công ty lập, triển khai kế hoạch, chiến lược phát triển trong cả ngắn hạn và dài hạn một cách hiệu quả cũng như kiểm tra và khắc phục kịp thời những thiếu sót, khuyết điểm.

- Công ty cần trang bị thêm máy vi tính cho phòng kế toán đồng thời phải tổ chức đào tạo để nâng cao trình độ cho nhân viên kế toán về chương trình kế toán máy nhằm quản lý chính xác được các con số. Bên cạnh đó Công ty cũng cần phải xây dựng một chương trình kế toán thống nhất trên máy vi tính nhằm tự động hoá ở mức độ cao nhất công tác hạch toán nói chung và công tác hạch toán vốn bằng tiền nói riêng

- Công ty nên tiến hành lập báo cáo lưu chuyển tiền tệ nhằm giúp cho những nhà quản lý có được các quyết định một cách nhanh chóng và chính xác.

- Khi tiến hành bán hàng hóa cần kiểm tra tình hình sản tài chính của khách hàng để giảm khoản rủi ro không thu được tiền.

2. Kết luận chung :

Trong điều kiện nền kinh tế thị trường sôi động và cạnh tranh ngày nay, để có thể tận dụng cơ hội và tạo ra lợi thế cạnh tranh, bên cạnh việc nâng cao chất lượng và hình ảnh sản phẩm, công tác kế toán mà đặc biệt là việc quản lý tốt vốn bằng tiền là một vấn đề quan trọng của các doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp xây dựng. Kế toán là một công cụ hữu hiệu giúp cho không chỉ các nhà quản lý nắm được thực trạng tài chính nhằm hoạch định kế hoạch phát triển cho tương lai của công ty mà còn là mối quan tâm của các nhà đầu tư tài chính, các ngân hàng, Nhà nước... nhằm phục vụ cho những mục đích của mình. Nhận thức được tầm quan trọng của vấn đề này, với sự giúp đỡ của Phòng tài chính kế toán của Công ty TNHH MTV Hợp Quốc và sự hướng dẫn của cô Nguyễn Trần Nguyên Trân, tôi đã tìm hiểu về tổ chức bộ máy và công tác kế toán của công ty. Qua đó, tôi đã hiểu hơn về công tác kế toán tại Công ty.

Mặc dù tôi đã cố gắng hết sức nhưng do trình độ và nhận thức còn hạn chế nên bài báo cáo của tôi chắc chắn còn nhiều sai sót. Tôi rất mong nhận được sự đóng góp chỉ bảo của các cán bộ nhân viên Phòng Tài chính kế toán Công ty và cô Nguyễn Thị Phương Hoa để em có thể hoàn thiện hơn nữa bài báo cáo này.

Một lần nữa, tôi xin chân thành cảm ơn các cán bộ nhân viên Phòng Tài chính kế toán Công ty TNHH Hợp Quốc và cô Nguyễn Trần Nguyên Trân đã nhiệt tình giúp đỡ em hoàn thành bản báo cáo này.